

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRẦN THỊ THU HÀ

**CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC THEO PHÁP LUẬT HÌNH
SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Chuyên ngành: Luật Hình Sự

Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả. Các số liệu và kết quả nêu trong Luận Văn là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, thông tin trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc.

Hà Nội, 30 tháng 07 năm 2016

Tác giả Luận văn

Trần Thị Thu Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. Những vấn đề lý luận về các tội phạm về cờ bạc	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về cờ bạc.....	14
CHƯƠNG 2. ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CÁC TỘI VỀ CỜ BẠC TỪ THỰC TIỄN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG	30
2.1. Định danh các tội về cờ bạc.....	30
2.2. Quyết định hình phạt đối với các tội về cờ bạc	50
Chương 3. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC....	57
3.1. Quan điểm về hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự hiện hành đối với các tội về cờ bạc và áp dụng các quy định đó trên thực tiễn	57
3.2. Hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tội về cờ bạc	58
3.3. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về tội đánh bạc	61
3.4. Các giải pháp khác nhằm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc	64
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lục Ngạn là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, nằm trên trục đường Quốc lộ 31, có vị trí địa lý bao gồm: Phía Bắc giáp huyện Chi Lăng và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; Phía Tây và Nam giáp huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Phía Đông giáp huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Trung tâm huyện lỵ cách thành phố Bắc Giang 40km. Lục Ngạn có tổng diện tích tự nhiên là 101.223,72 ha, với 30 đơn vị hành chính được chia thành 2 vùng rõ rệt: Vùng thấp gồm 17 xã và 1 thị trấn, vùng cao gồm 12 xã. Dân số của huyện xấp xỉ 200.000 người. Trong đó, người Kinh chiếm 53%, còn lại là các dân tộc khác như Sán, Dìu, Nùng, Cao Lan, Hoa, phân bố với tỷ lệ 96,63% ở nông thôn và 3,37% ở thành thị. Nguồn lao động có 116.620 người trong độ tuổi lao động, chiếm 57,16% so với tổng dân số. Chất lượng lao động qua đào tạo đạt 13,5%. Điều kiện kinh tế của huyện chủ yếu dựa vào nông nghiệp. [61] Công việc tại chỗ không đáp ứng được nhu cầu việc làm do đó đa số nguồn lao động đều tham gia làm các công việc phổ thông ở những khu công nghiệp tại các thành phố và huyện lỵ lân cận. Đặc biệt do trong lịch sử, giai đoạn những năm 1979 về sau, một bộ phận người Hoa đã di cư xuống phía nam, tạo ra một nhóm dân cư mới tại đây và có liên hệ mật thiết với người Hoa tại Trung Quốc, do đó thường xuyên tổ chức đưa lao động qua làm việc theo mùa vụ tại những tỉnh giáp ranh với Việt Nam. Số lượng này đông đảo, chủ yếu chưa thông qua đào tạo và trình độ văn hoá tương đối thấp. Việc lao động tại các khu công nghiệp hay làm việc theo mùa vụ ở nước ngoài đã tạo cho người lao động khoản thu nhập tương đối cao hơn so với mặt bằng chung của canh tác nông nghiệp mang lại. Số tiền này sẽ được chuyển về cho gia đình cất giữ và sử dụng. Chính dòng tiền này góp phần mang lại sự thay đổi lớn cho chất lượng đời sống dân cư và xã hội của huyện Lục Ngạn. Nhưng như một quy luật bất dịch, sự phát triển của kinh tế luôn kéo theo những tệ nạn xã hội. Lục Ngạn cũng không phải là một ngoại lệ. Những năm trở lại đây, nền văn hoá nông thôn trên địa bàn cơ bản bị phá vỡ, những hình thức giải trí

được du nhập một cách nhanh chóng, nhiều tệ nạn mới xuất hiện như ma túy, mại dâm, vay nặng lãi, nghiện gameonline... song hành cùng những tệ nạn đã tồn tại từ lâu nay có cơ hội để phát triển như cờ bạc, rượu chè, đánh nhau... Trong đó, cờ bạc nổi lên thành một tệ nạn phổ biến và có chiều hướng diễn biến phức tạp, gắn liền với sự gia tăng thu nhập của người dân.

Vì tính chất và mức độ nguy hiểm của những hành vi cờ bạc mà Nhà nước ta đã quy định những tội danh cụ thể trong Bộ luật Hình sự với các mức phạt khác nhau và có sửa đổi, bổ sung nhiều lần, tính từ Bộ luật hình sự (BLHS) đầu tiên, Bộ luật hình sự 1985 cho đến nay, Bộ luật hình sự 2015(bị hoãn thi hành). Đồng thời, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương đã rất kiên quyết đấu tranh với các tội phạm về cờ bạc nhưng tình hình tội phạm về cờ bạc tại Tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Lục Ngạn nói riêng vẫn có diễn biến hết sức phức tạp, ngày càng tinh vi, có tổ chức, quy mô ngày càng lớn.

Như vậy, thực tiễn tình hình tội phạm về cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cho thấy rõ nhu cầu phải tiếp tục tăng cường đấu tranh với loại tội phạm này, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi Chỉ thị của Đảng (Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới) đã đặt ra mục đích “phải kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm... tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân”.

Quy định của pháp luật hình sự về các tội về cờ bạc là sản phẩm của khoa học pháp lý hình sự nói chung và của khoa học luật hình sự nói riêng. Vì thế, mức độ phù hợp của những quy định đó với thực tế của tình hình tội phạm về cờ bạc như thế nào chỉ có thể biết được thông qua nghiên cứu thực tế áp dụng ở từng địa phương. Điều đó muốn nói rằng, việc kiểm nghiệm đời sống của pháp luật hình sự ở một địa phương cụ thể luôn luôn là một khả năng để phát triển lý luận và đồng thời cũng là cơ sở để hoàn thiện pháp luật. Việc nghiên cứu này càng cần thiết để khẳng định mức độ phù hợp của Luật và đề xuất áp dụng đúng. Vì thế, đề tài “*Các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật Hình sự Việt*

Nam từ thực tiễn huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

- *“Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam”* Nxb Chính trị quốc gia, 1994;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm”*, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội (1997);
- *Bình luận khoa học BLHS năm 1999* của Thạc sĩ Đinh Văn Quế, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm”* (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- *“Lý luận chung về định tội danh”* (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”* (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

2.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn

Để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện đề tài, những công trình khoa học sau đây về đấu tranh phòng và chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm về cờ bạc nói riêng đã được tác giả tham khảo:

- Luận văn Thạc sỹ Luật học : *“Tội đánh bạc và Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn thành phố Ninh Bình. Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”* của tác giả Vũ Thị Len, Học viên Khoa học xã hội- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013;

- Luận văn Thạc sỹ luật học: *“Phòng ngừa các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội”* của tác giả Cao Thị Oanh, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2002.

- Luận văn Thạc sỹ luật học: “*Phòng ngừa tội đánh bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội*” của tác giả Đỗ Thị Thu Hằng, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2014.

- Luận văn Thạc sỹ luật học: “*Phòng ngừa tội phạm về cờ bạc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*” của tác giả Dương Văn Anh, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2013.

- Luận văn thạc sỹ “*Định tội danh đối với tội đánh bạc theo Luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)*” của Vũ Thị Phương Lan, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014.

- Cao Thị Oanh (2002), *Đấu tranh phòng chống các tội cờ bạc trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Ngoài ra còn một số công trình khác nghiên cứu khác liên quan đến các tội danh về cờ bạc. Tuy nhiên, xét dưới góc độ phạm vi không gian là huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cho đến nay vẫn chưa có công trình nào xem xét, nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Đề tài tiến hành nhằm mục đích xác lập cơ sở lý luận, khái quát những điều chỉnh của pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc. Trên cơ sở đó, đối chiếu với thực tiễn thực hiện những pháp định này trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nhằm chỉ ra các điểm hợp lý và bất hợp lý trong việc thực hiện những quy định của pháp luật hiện hành trong sự so sánh với những sửa đổi của pháp luật về tội danh mà đề tài đề cập. Từ đó rút ra được những kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự, bao gồm hoàn thiện quy định về các tội phạm về cờ bạc và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội phạm về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam, có sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội phạm cờ bạc ở địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015 trên cơ sở hướng dẫn lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt;

- Kiến nghị giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội phạm cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giai đoạn từ 2011-2015, luận văn xác định và luận giải sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi của người phạm tội .

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

- Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn;

- Về tội danh, đề tài nghiên cứu các tội phạm về cờ bạc được quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Công trình được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Vấn đề nghiên cứu được xem xét theo một trình tự từ quá khứ đến hiện tại trong mối quan hệ, tương tác qua lại với các vấn đề khác trong môi trường xã hội.

Ngoài ra, tác giả còn căn cứ vào quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với các tội phạm cờ bạc để xem xét, đánh giá vấn đề.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Ứng viên xác định công trình là sản phẩm của tổng hoà của nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau. Trong đó có những phương pháp nghiên cứu đóng vai trò là xuyên suốt, chủ đạo trong công trình, nhưng cũng có phương pháp đóng vai trò trong từng nội dung khác nhau. Cụ thể:

- **Phương pháp phân tích:** Phương pháp được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu của luận án, nhằm đi sâu xem xét, đánh giá các vấn đề tạo cơ sở cho các nhận định khoa học;

- **Phương pháp tổng hợp:** Được sử dụng khi đánh giá thực tiễn nhằm rút ra những kết luận tổng quan, những quan điểm, đề xuất và kiến nghị ở Chương 2 và Chương 3;

- **Phương pháp so sánh luật học:** Được sử dụng tại Chương 1;

- **Phương pháp thống kê:** Được sử dụng trong Chương 2;

- **Phương pháp phỏng vấn:** Được sử dụng trong Chương 3;

- **Phương pháp tham khảo chuyên gia.** Là phương pháp thu thập các ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới nói riêng, hành chính công nói chung và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan đến đề tài luận văn. Nhằm xây dựng được những cách thức tiếp cận đa ngành, liên ngành về vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của đề tài

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về các tội phạm cờ bạc trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, nghiên cứu, học tập. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn góp phần cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tội phạm về cờ bạc, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội về cờ bạc theo pháp luật hình sự Việt Nam

Chương 2. Áp dụng các quy định các tội về cờ bạc từ thực tiễn huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang

Chương 3. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội về cờ bạc

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Những vấn đề lý luận về các tội phạm về cờ bạc

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về cờ bạc

1.1.1.1. Khái niệm các tội phạm về cờ bạc

Tội phạm là hiện tượng xã hội mang tính tiêu cực xuất hiện từ lâu trong lịch sử loài người. Đến khi nhà nước và pháp luật ra đời, tội phạm mới được định danh và trở thành vấn đề xuyên suốt mà các nhà nước và pháp luật phải quan tâm. Nhà nước đã quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với những người nào thực hiện các hành vi đó. Vì vậy, thực chất tội phạm là một hiện tượng có tính chất pháp lý. Tuy nhiên, đây lại là một hiện tượng có tính chất pháp lý tiêu cực. Tội phạm luôn chứa đựng đặc tính chống lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, làm ảnh hưởng tiêu cực tới lợi ích chung của cộng đồng, xâm phạm tới trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến tự do và các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tội phạm hình thành từ trong lòng xã hội, xuất phát từ các quan hệ xã hội và có quá trình diễn biến, phát triển theo sự phát triển chung của xã hội. Do đó, tội phạm phải được xem xét cả dưới góc độ xã hội lẫn lịch sử.

Nghiên cứu về khái niệm tội phạm cũng có nhiều cách lý giải khác nhau tùy thuộc vào góc độ và mục đích tiếp cận. Dưới đây là một số khái niệm được tác giả tập hợp:

Larry J.Siegel đã đưa ra khái niệm tội phạm như sau:

Tội phạm là một hành vi vi phạm các nguyên tắc xã hội được giải thích và quy định trong một đạo luật hình sự do những người nắm giữ quyền lực chính trị và xã hội tạo ra. Những cá nhân vi phạm các nguyên tắc này là đối tượng sẽ bị trừng phạt bởi các cơ quan có thẩm quyền...[18, tr 7]

Xem xét khái niệm bằng các dấu hiệu pháp lý cơ bản của tội phạm, Bộ luật Hình sự 2015 (đã hoãn thi hành) cho rằng tội phạm bao gồm bốn dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản. Những đặc điểm này cùng với các đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của tội phạm đã được các nhà làm luật nước ta ghi nhận mới thể hiện được đầy đủ cả ba bình diện tương ứng với năm dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản của tội phạm đó là: Bình diện khách quan (nội dung) - tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã; Bình diện pháp lý (hình thức) - tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự và; Bình diện chủ quan - tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi.

Tại Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) có giá trị pháp lý hiện hành, quan điểm về tội phạm được Nhà nước ta cụ thể hoá bằng Điều 8 như sau:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.[32, Điều 8]

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn tác giả lựa chọn khái niệm về tội phạm tại Điều 8, Bộ luật Hình sự hiện hành là khái niệm đầy đủ và là cơ sở luận cơ bản khi xem xét các tội phạm về cờ bạc.

Các tội phạm về cờ bạc là một khái niệm cụ thể của khái niệm tội phạm nói chung. Các tội phạm về cờ bạc bao gồm ba tội danh chính: Tội đánh bạc; Tội tổ chức đánh bạc và Tội gá bạc.

- *Tội đánh bạc là:* Hành vi tham gia vào trò chơi được tổ chức bất hợp pháp mà sự được (hoặc thua) kèm theo việc được (hoặc mất) lợi ích vật chất đáng kể (tiền, hiện vật hoặc các hình thức tài sản khác). Đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không chỉ ảnh hưởng xấu đến gia đình và cá nhân người chơi mà còn có thể là nguyên nhân của tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

- *Tội tổ chức đánh bạc là:* Chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, cưỡng bức, đe dọa người khác tham gia trò chơi có được thua bằng tiền hoặc tài sản dưới bất kỳ hình thức nào. Khi xác định hành vi tổ chức đánh bạc cần phân biệt với trường hợp phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự và là yếu tố định khung hình phạt quy định tại một số điều luật. Hành vi tổ chức đánh bạc cũng tương tự như một số hành vi tổ chức phạm tội khác như: tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép quy định tại Điều 275 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đối với tội tổ chức đánh bạc thì người phạm tội phải tổ chức ít nhất là từ hai người trở lên đánh bạc, vì việc đánh bạc phải có từ hai người trở lên mới đánh bạc được, không ai đánh bạc với chính mình cả.

- *Gá bạc là:* Dùng địa điểm (nhà ở, cửa hàng, khách sạn, phòng trọ, tàu, xe, thuyền, bè...) đang do mình quản lý sử dụng để cho người khác đánh bạc thu tiền (tiền hồ). Hành vi gá bạc có nơi còn gọi là chứa gá bạc hoặc chứa bạc. Nếu chỉ căn cứ vào việc dùng địa điểm mà mình đang quản lý sử dụng cho người khác đánh bạc thì hành vi này tương tự như hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 198 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy có thể lấy tiền hoặc không lấy tiền, còn hành vi gá bạc (chứa chấp việc đánh bạc) nhất thiết phải lấy tiền (tiền hồ) thì mới bị coi là gá bạc; nếu vì nể nang mà cho người khác dùng địa điểm đang do mình quản lý, sử dụng để đánh bạc thì không bị coi là gá bạc. Như vậy, dấu hiệu bắt buộc để xác định có hành vi gá bạc hay không là có thu tiền hồ hay không.

1.1.1.2. Các yếu tố cấu thành các tội phạm về cờ bạc

a. Khách thể của tội phạm

Là các quan hệ xã hội được Bộ luật hình sự Việt Nam điều chỉnh, bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại có tính chất tội phạm, nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên hoặc có thể gây nên thiệt hại đáng kể nhất định.

Hành vi phạm tội thể hiện ở hành vi đánh bạc trái pháp luật, tổ chức đánh bạc và gá bạc tức là hành vi tham gia hoặc tổ chức, tạo điều kiện cho người khác tham gia sát phạt về kinh tế lẫn nhau với mục đích được thua bằng tiền hoặc hiện vật của ít nhất từ hai người trở lên dưới bất kỳ hình thức nào như chơi lô đề, cá cược, xóc đĩa, đồ đen, tá lả... Hành vi của tội phạm tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách của người phạm tội, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nhiều gia đình, cá nhân từ đó kéo theo sự phát sinh của nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác.

b. Mặt khách quan của tội phạm

Là mặt bên ngoài của sự xâm hại có tính chất tội phạm trong thực tế khách quan, gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Có thể xác định mặt khách quan của tội đánh bạc qua dấu hiệu hành vi phạm tội, phương tiện phạm tội và các điều kiện xử lý về hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc được hiểu là hành vi tham gia vào trò chơi được tổ chức bất hợp pháp mà sự được thua kèm theo việc được, mất một số tài sản nhất định; Là hành vi tổ chức hoạt động đánh bạc có ít nhất từ 2 người trở lên; Là hành vi dùng nhà ở, nơi cư trú... để cho người tổ chức đánh bạc thực hiện hành vi đánh bạc có thu tiền.

Như vậy, bản chất của nhóm hành vi này là việc chủ thể tham gia và tổ chức trò chơi bất hợp pháp, mà bản chất của nó là người thắng hoặc người thua được nhận hoặc phải trả bằng một lượng tài sản nhất định và việc thắng thua này mang tính khách quan.

Từ việc nghiên cứu Điều 248 Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành và các văn bản khác có liên quan, tác giả nhận thấy: Tội đánh bạc được xây dựng dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức. Có nghĩa là hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc trong việc xác định tội phạm hoàn thành.

c. Chủ thể của tội phạm

Là người thực hiện hành vi được quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

Chủ thể của tội đánh bạc được xác định có năng lực trách nhiệm hình sự tại thời điểm họ thực hiện hành vi phạm tội. Tại thời điểm đó họ phải nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội mà hành vi của họ gây ra, đồng thời có khả năng điều khiển hành vi theo hướng phù hợp với pháp luật. Những trường hợp không thỏa mãn điều kiện này thì không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Cụ thể, tại Điều 12 BLHS Việt Nam hiện hành quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Đối chiếu với quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành thì tuổi chịu trách nhiệm hình sự của tội đánh bạc là từ đủ 16 tuổi trở lên.[32, Điều 12]

d. Mặt chủ quan của tội phạm

Là trạng thái tâm lý của chủ thể tội phạm thể hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đã thực hiện.

Chủ thể của tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc luôn cố ý lựa chọn việc xử sự gây thiệt hại cho xã hội mặc dù có đủ nhận thức và điều kiện để không thực hiện hành vi đó. Người đánh bạc đều nhận thức và buộc phải nhận thức được hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới khách thể được luật hình sự bảo vệ, nhưng người phạm tội vẫn cố tình thực hiện hành vi, khẳng định thực hiện mong muốn của chủ thể. Xét về tính chất lỗi, lỗi của các chủ thể trong tội đánh bạc đều là lỗi cố ý trực tiếp.

Dấu hiệu động cơ, mục đích phạm tội của tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc không nhất thiết là dấu hiệu bắt buộc được mô tả trong cấu thành tội phạm.

1.1.2. Phân biệt các tội phạm về cờ bạc với một số các tội phạm khác

1.1.2.1. Về đánh bạc bất hợp pháp và đánh bạc hợp pháp

Trong khi đánh bạc bất hợp pháp bị xem là tội phạm, thì đánh bạc hợp pháp lại là một hành động công khai. Đánh bạc hợp pháp bao gồm các hoạt động như: xổ số, game có thưởng, hoạt động đánh bạc tại Casino, cá cược ở các trường đua... Cách thức và biểu hiện của chúng đa dạng, song có cùng điểm chung là được sự cho phép của Nhà nước. Các hành vi đánh bạc hợp pháp phải tuân theo những quy định của pháp luật về những vấn đề có liên quan, đồng thời phải tiến hành nộp thuế khi tổ chức các hành vi trên. Chính điều này đã đưa đến những ý kiến cho rằng nên bỏ tội danh đánh bạc trong luật hình sự và hợp pháp hoá các hành vi liên quan đến cờ bạc. Tuy nhiên, cho đến nay quan điểm đó vẫn chưa được thừa nhận về mặt pháp lý, do đó trong quá trình xem xét tội danh này cần phải thấy rõ sự khác nhau giữa đánh bạc hợp pháp và đánh bạc bất hợp pháp.

Điều này giúp cho việc xác định những loại trò chơi được tổ chức một cách hợp pháp không thuộc phạm vi khái niệm đánh bạc. Khái niệm tổng quát về hành vi đánh bạc mà điều luật đưa ra cho thấy dạng biểu hiện cụ thể của hành vi đánh bạc rất phong phú, đa dạng. Có thể nói, người phạm tội đánh bạc có thể lựa chọn bất cứ hoạt động nào hay hiện tượng nào trong cuộc sống với ý thức biến nó thành trò chơi có dùng tài sản làm phương tiện thanh toán cho việc được thua để chúng thỏa mãn hành vi trong mặt khách quan của tội phạm này (trừ hành vi của người đua xe trái phép đồng thời tham gia cá cược vì hành vi này đã được quy định tại Điều 207 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành).

Kết quả của trò chơi đó phụ thuộc hoàn toàn vào hoạt động của chủ thể như đánh xóc đĩa, ba cây... Có thể phụ thuộc vào những đối tượng nhất định do họ điều khiển, quản lý hoặc lựa chọn như chơi gà, đua chó, đua ngựa. Việc phân tích đó cũng cho kết quả thắng thua có thể phụ thuộc vào khả năng của chủ thể và sự may rủi. Nhưng rõ ràng, hành vi phạm tội đánh bạc dù tồn tại dưới hình thức nào đều có điểm chung là việc thắng thua mang tính khách quan. Đặc điểm chung này chính là cơ sở để phân biệt giữa những hành vi đánh bạc với những hành vi về hình thức có biểu hiện giống hành vi đánh bạc (sự thỏa thuận chơi được thua giữa các chủ thể),

nhưng kết quả thắng thua lại không mang tính khách quan mà hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của một người nào đó.

Trường hợp một người hoặc một nhóm người có thể điều chỉnh được kết quả thắng thua theo ý muốn thì hành vi của các bên thực chất không còn là một dạng trò chơi nữa. Trong trường hợp này hành vi của các chủ thể không có sự gian dối vẫn được xác định là hành vi đánh bạc nhưng hành vi của chủ thể dùng sự gian dối để điều chỉnh kết quả phải được xác định là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.1.2.2. Về tội tổ chức đánh bạc với với một số tội phạm có thể gây nhầm lẫn

Tổ chức đánh bạc là hành vi tổ chức việc đánh bạc. Hành vi tổ chức đánh bạc cũng tương tự như một số hành vi tổ chức phạm tội khác như: tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép quy định tại Điều 275 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đối với tội tổ chức đánh bạc thì người phạm tội phải tổ chức ít nhất là từ hai người trở lên đánh bạc, vì việc đánh bạc phải có từ hai người trở lên mới đánh bạc được, không ai đánh bạc với chính mình cả.

Đồng thời, tổ chức đánh bạc và đánh bạc cũng có thể có sự nhầm. Cụ thể, người đánh bạc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc nhưng cũng có thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc nhưng người tổ chức việc đánh bạc nếu đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc.

Nếu người có hành vi tổ chức ra việc đánh bạc để thoả mãn việc đánh bạc của mình và cùng tham gia đánh bạc với những người mà mình tổ chức để đánh bạc thì người tổ chức đánh bạc chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc nếu có đủ dấu hiệu cấu thành tội đánh bạc, mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc. Ví dụ: Hoàng Nga là con bạc thường xuyên đi đến nhà Vũ Mạnh Quỳnh đánh “ba cây” ăn tiền. Ngày 15-6-2005 Nga đã bị Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội phạt hành chính. Ngày 10-12-2004, vợ con của Nga về quê ngoại; ở nhà một mình, Nga rủ Vũ Mạnh Quốc, Bùi Quốc Cảnh và Đinh Trọng Nghĩa đến nhà Nga để đánh bạc ăn tiền. Đánh được từ 9 giờ đến 14 giờ thì bị Công an phường bắt, thu trên chiếu bạc 5.000.000 đồng và các phương tiện dùng để đánh bạc. Trong trường hợp này, hành vi của Ng là hành vi tổ chức đánh bạc nhưng vì

Nga tổ chức ra cuộc chơi bạc này là để mình cũng được đánh bạc nên Nga chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc.

1.1.2.3. Về tội gá bạc với một số tội phạm có thể gây nhầm lẫn

Nếu chỉ căn cứ vào việc dùng địa điểm mà mình đang quản lý sử dụng cho người khác đánh bạc thì hành vi này tương tự như hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 198 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy có thể lấy tiền hoặc không lấy tiền, còn hành vi gá bạc (chứa chấp việc đánh bạc) nhất thiết phải lấy tiền (tiền hồ) thì mới bị coi là gá bạc; nếu vì nể nang mà cho người khác dùng địa điểm đang do mình quản lý, sử dụng để đánh bạc thì không bị coi là gá bạc. Như vậy, dấu hiệu bắt buộc để xác định có hành vi gá bạc hay không là có thu tiền hồ hay không.

Ngoài ra, gá bạc đánh bạc cũng cần phải phân biệt để tránh nhầm lẫn. Cụ thể, Người có hành vi gá bạc có thể đồng thời là người tổ chức đánh bạc, nhưng có thể người tổ chức đánh bạc và người gá bạc khác nhau.

Nếu người gá bạc mà còn cùng tham gia đánh bạc thì vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về cả tội đánh bạc nếu có đủ dấu hiệu cấu thành tội đánh bạc.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về cờ bạc

1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về cờ bạc

1.2.1.1. Các tội phạm về cờ bạc trong pháp luật thời kỳ trước Cách mạng tháng tám năm 1945

Từ thời kỳ phong kiến, các hành vi liên quan đến cờ bạc của dân chúng đều bị triều đình hạn chế hoặc cấm đoán. Vì đặc tính nhà nước phong kiến Việt Nam có ít các bộ luật chính thống, do đó cứ liệu pháp lý về sự cấm đoán này từ triều Trần trở về trước chưa được làm rõ. Tuy nhiên, điều đó lại được thể hiện rõ trong hai bộ luật nổi tiếng là Luật Hồng Đức (Lê triều hình luật) và Hoàng Việt hình luật (Luật Gia Long). Các bộ luật này đều quy định cấm hành vi cờ bạc. Đối với những người chủ mưu cầm đầu việc đánh bạc, pháp luật đều quy định hình phạt nặng. Đặc biệt vấn đề tệ nạn cờ bạc đã được đề cập đến nhiều trong hương ước của làng xóm, ở các vùng nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên dưới chế độ cũ các tệ nạn cờ bạc như

đánh chắn, tổ tôm, cua cá, ba cây, xóc đĩa, đò đen, tam cúc,... đã xảy ra phổ biến không chỉ ở các vùng nông thôn và cả ở khu vực thành thị. Các sòng bạc dạng Casino đã được cấp giấy phép hoạt động công khai để thu lợi nhuận cho chính quyền. Trải qua nhiều thời kỳ pháp luật Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của pháp luật phong kiến Trung Hoa. Năm 1698, vua Lê Huy Tông hạ lệnh cho viên đề lãnh dò xét: *“người chứa gá và người đánh gá đều bị phạt nặng, số tiền bị phạt nhiều hay ít tùy theo thứ bậc phẩm trật của từng người”*. Ngay sau khi lên ngôi năm 1802, vua Gia Long đã ban lệnh nghiêm cấm đánh bạc, quy định hình phạt nghiêm khắc. Theo Luật Gia Long ban bố, các khoản tiền thu về trong và sau vụ đánh bạc được dùng làm phần thưởng cho những người có công tố giác tội phạm. Dưới triều các vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị tội đánh bạc bị phạt rất nặng, không cần biết là quan hay lính. Quan phạm tội thì bị phạt rất nặng, thậm chí bị phạt treo cổ. Còn những người có trách nhiệm quản lý, theo dõi khi để xảy ra việc đánh bạc cũng bị phạt giáng chức từ 2 - 4 cấp. Tuy nhiên, những ai có công phát hiện tội phạm sẽ được thưởng. Tại điều 188, Bộ Luật Hồng Đức cũng có quy định như sau : *“Ai tụ tập đánh bạc thì bị đánh 70 trượng, biếm ba tư, phạt ba quan tiền, thưởng cho kẻ tố cáo. Người đứng đầu hay tái phạm tội đánh bạc thì tăng một bậc tội. Kẻ a từng giam một bậc tội. Tiền trong sòng bạc ăn thua và văn tự mua bán để đánh bạc đều nhập công kho. Đang khi quóc tang mà đánh bạc thì thêm một bậc tội. Nếu sinh sự trong đánh bạc thì bị xử riêng”*.

Ở thời kỳ Pháp thuộc, do thi hành chính sách ngu dân nên cùng với rượu cồn, thuốc phiện... cờ bạc được chính quyền bảo hộ khuyến khích. Đây là thời điểm sôi động nhất của tệ cờ bạc, đặc biệt ở các thành phố hay các cảng thị. Luật pháp của triều đình phong kiến về việc trừng trị các tội liên quan đến cờ bạc đã không còn hiệu lực, thời kì này đánh bạc và các hành vi liên quan đến đánh bạc là hợp pháp. Nhà nước Pháp đã cho phép mở các tiệm hút, chích á phiện, cờ bạc, cũng như cho phép các sòng bài được tự do mở trên đất nước ta. Trong đó Sài Gòn là nơi tập trung đông đúc nhất các sòng bài và có những sòng bài lớn mang tính quốc tế như Đại Thế Giới, Viễn Dương... Ngoài ra, tại các phủ, huyện trước đây thuộc Sài Gòn, chính quyền Pháp cho tuyển người từ trong giáo dân hoặc lớp tú tài, cử nhân cam

tâm theo chúng để đặt cạnh các viên tri phủ, tri huyện làm chức Tham biện Huyện vụ thực hiện nhiệm vụ thu các loại thuế trong đó có cả loại thuế sòng bạc với định mức thu rất nặng.

Nhân dân thì bắt luận già, trẻ, tàn tật mỗi người phải nộp một quan năm tiền và phải phụ thêm một quan: Dân xã Minh Hương mỗi năm phải nộp hai lạng bạc, người Thanh phải nộp thêm hai quan. Gái điếm mỗi thị phải nộp 10 quan mỗi tháng. Người Thanh lập phố để nấu a phiến, mở sòng bạc thì phải nộp từ 2000 đến 5000 quan...

1.2.1.2. Các tội phạm về cờ bạc trong pháp luật thời kỳ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985

Sau khi giành được độc lập, ngày 2-9-1945, mặc dù nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập, song là một nhà nước non trẻ, hệ thống nhân sự chưa hoàn thiện, các giá trị pháp lý cũ cũng không thể bị thay thế trong một sớm một chiều. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã ra Sắc lệnh giữ lại những đạo luật có từ thời phong kiến và thực dân mà không trái với các mối quan hệ của xã hội mới. Trong đó, các quy định hình sự liên quan đến cờ bạc vẫn được giữ lại các giá trị tích cực từ luật pháp phong kiến. Đây cũng là những tiền đề quan trọng trong các pháp luật hình sự thực định về tội phạm cờ bạc sau này.

Có thể liệt kê các quy định về các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc ở nước ta được các văn bản pháp luật ghi nhận, ban hành từ năm 1948 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất luật hình sự 1985 bao gồm:

- Sắc lệnh số 168/SL ngày 14-4-1948.
- Sắc lệnh số 03/SL-76 ngày 15-3-1976.
- Thông tư 301/VHH-HS ngày 14/2/1957 về vấn đề bài trừ nạn cờ bạc.
- Thông tư 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 về việc bài trừ tệ nạn cờ bạc và giải quyết một phần vướng mắc của Sắc lệnh 168/SL. [40, tr 22]

Trong Sắc lệnh số 168/SL ban hành ngày 14-4-1948 quy định về các tội cờ bạc như sau: *Điều 1. Tất cả các trò chơi cờ bạc, dù là có tính cách may rủi hay là có thể dùng trí khôn để tính nước mà được thua bằng tiền, đều coi là tội đánh bạc và bị phạt như sau:*

Những cuộc đánh đố nhau bằng tiền, những cuộc xổ số bằng tiền hay bằng đồ mà không có nhà chức trách có thẩm quyền cho phép trước cũng đều bị phạt như tội đánh bạc.

Điều 2. Những người nào tổ chức một cuộc đánh bài, đánh bạc, một trò chơi kể trong Điều 1 không cứ ở một nơi nào, đều bị phạt tù từ hai năm đến năm năm và phạt bạc từ 10.000đ đến 100.000đ.

Những người nào giúp người khác tổ chức những cuộc nói trên, những người chủ nhà tri tình mà để người đã đánh bài, đánh bạc trong nhà mình không cứ là có thu lợi hay không, những người quản trị, người làm cái, lấy hồ, đều bị phạt như người tổ chức.

Các người làm công khác giúp trực tiếp vào các cuộc chơi đều bị phạt là tòng phạm.

Những người nào đánh bạc hay dự vào các cuộc chơi nói trên sẽ bị phạt tù từ một năm đến ba năm và phạt bạc từ 5.000đ đến 50.000đ Bao nhiêu đồ trên thiết nơi đánh bạc, các dụng cụ dùng vào việc đánh bạc, tiền nong bắt được trên bàn hay chiếu đều bị tịch thu.

Ngoài ra, các bị can còn có thể bị quản thúc từ một năm đến năm năm.

Ngoài ra, tại Điều 4 của Sắc lệnh có ghi rằng: Dù rằng Tòa án có xét xử tình trạng nên giảm, cũng bắt buộc hình phạt tối thiểu về tù và tiền nói trong Điều 2 và Điều 3 trên đây. Tòa án phải phạt vừa tù và tiền mà không cho bị can hưởng án treo. Nếu có trường hợp tái phạm, các hình phạt sẽ tăng gấp đôi. Đây là Điều luật thể hiện thái độ rất nghiêm khắc của nhà nước trong việc xử lý những người thực hiện hành vi cờ bạc. [7]

Sắc lệnh 168/SL sau gần 10 năm thực hiện đã xuất hiện những vướng mắc khi thực trạng xã hội bấy giờ, miền Bắc đã bắt đầu tiên hành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, các điều kiện về kinh tế, văn hoá, xã hội này sinh nhiều đòi hỏi mới. Trước tình hình đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư 301/VHH-HS ngày 14/2/1957 và Thông tư 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 về việc bãi trừ tệ nạn cờ bạc và giải quyết một phần vướng mắc của Sắc lệnh 168/SL.

Thông tư 301/VHH-HS thể hiện quan điểm xử lý tội cờ bạc là "*lấy giáo dục làm chính*" và cũng hướng dẫn cho các cơ quan tư pháp đường lối giải quyết vụ án là không nhất thiết phải bắt được quả tang đánh bạc mới có thể truy tố được; Có thể chứng minh bằng bằng bất kỳ hình thức nào để chứng minh là bị can đã đánh bạc, nhưng phải thận trọng trong trường hợp này. Thông tư quy định các đối tượng bị xử lý về tội cờ bạc, các đối tượng tham gia vào tổ chức, chứa gá bạc và người đánh bạc là các đối tượng có kèm theo các đặc điểm về nhân thân thì mới xem xét để truy tố như:

Bọn tổ chức, bọn chứa gá, bọn xóc cái, bọn hồ lý, bọn canh gác chuyên sống về nghề cờ bạc.

Bọn con bạc chuyên sống bằng nghề cờ bạc hoặc đã được cảnh cáo rồi mà vẫn tiếp tục chơi, coi thường pháp luật.[40, tr 23]

Trong khi đó, Thông tư 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 nêu ra cách vận dụng Sắc lệnh 168/SL và xác định những nội dung chính trong thông tư về mức hình phạt, về vấn đề thu tang vật, về vấn đề quản thúc trong xử lý vụ án.

Sau đó TANDTC đã có Bản tổng kết số 9/NCLP ngày 08/01/1968 hướng dẫn đường lối xét xử các tội cờ bạc trong đó đã quy định hành vi nào xử lý bằng chế tài hình sự, hành vi nào không cần thiết phải xử lý bằng chế tài hình sự và đã đưa ra khái niệm về các hành vi cờ bạc "*Hành vi đánh bạc là hành vi có được thua bằng tiền mặt hay không dùng tiền mặt nhưng thanh toán với nhau bằng tiền, tuy nhiên phải có động cơ mục đích sát phạt nhau*".[44]

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 15-3-1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ra Sắc luật số 03/SL-76. Tại Điều 9 của Sắc luật này có quy định về tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của nhân dân với nội dung như sau: "*Cờ bạc, tổ chức ổ mãi dâm, buôn bán, tàng trữ ma túy và các chất độc khác thì bị phạt tù, từ ba tháng đến năm năm. Trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến mười lăm năm. Trong mọi trường hợp có thể bị phạt tiền đến 1.000 đồng Ngân hàng*".[13, Điều 9]

Khi thực hiện Sắc luật số 03/SL-76 để xét xử tội cờ bạc, TANDTC cũng có hướng dẫn là được áp dụng Bản tổng kết số 9 NCPL ngày 08-01-1968 của TANDTC chuyên đề về hướng dẫn đường lối xét xử tội cờ bạc (gọi tắt là Bản tổng

kết số 9) để xác định hành vi đánh bạc, hành vi tổ chức, chứa gá bạc đối với bị cáo làm cơ sở cho việc quyết định mức phạt, đồng thời, để xử lý vật chứng của vụ cờ bạc. Ngoài ra, tại Điều 11 về hình phạt phụ, người phạm tội có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; Trường hợp phạm tội có tính chuyên nghiệp còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm lưu trú ở một số địa phương từ một năm đến năm năm tù sau khi chấp hành xong hình phạt. Quá trình thực hiện sắc luật, theo tinh thần của Chỉ thị 54/TATC ngày 6/7/1977 thì mức hình phạt của Sắc luật 03/SL-76 là quá cao do đó nó chỉ được áp dụng tại Miền Nam, Miền Bắc vẫn áp dụng đường lối xét xử theo hướng dẫn tại Bản tổng kết số 09-NCPL.

Như vậy có thể thấy, giai đoạn này nhà nước ta đã có những văn bản pháp luật điều chỉnh hình sự về các tội cờ bạc. Đây là những căn cứ quan trọng cho lần pháp điển hoá đầu tiên luật hình sự Việt Nam.

1.2.1.3. Các tội phạm về cờ bạc trong pháp luật thời kỳ sau khi ban hành BLHS năm 1985 đến trước năm 1999

Sau lần pháp điển hoá luật hình sự đầu tiên, Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 ra đời và có hiệu lực từ 1/1/1986. Sự kiện này tạo một dấu mốc quan trọng trong kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 trở thành Đạo luật hình sự đầu tiên của nước ta quy định tất cả các vấn đề về tội phạm và hình phạt. Sự ra đời của Bộ luật này đã thay thế cho tất cả các văn bản pháp luật được áp dụng từ 1945 đến trước khi Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 có hiệu lực. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 quy định các dấu hiệu cấu thành tội phạm đối với tội phạm về cờ bạc gồm tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc.

Các tội về cờ bạc quy định duy nhất tại Điều 200 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 cùng với các quy định trong phần chung và Điều 218 (quy định về hình phạt bổ sung) của Bộ luật là cơ sở pháp lý cho việc xử lý các tội phạm về cờ bạc trong giai đoạn này.

Tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 quy định về tội đánh bạc: "*Người nào đánh bạc dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm*". Khoản 2 và Khoản 3, Điều 200 Bộ luật Hình sự 1985

cũng quy định các hình phạt bổ sung đối với các tội phạm này bao gồm: "*Có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm*" và "*bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng và có thể bị tịch thu một phần tài sản*". [30, Điều 200]

Các khung hình phạt khác nhau là căn cứ để phân biệt giữa tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc trong Bộ luật Hình sự năm 1985. Đây được xem là điểm tiến bộ về mặt nhận thức so với những văn bản pháp lý điều chỉnh cùng vấn đề ở các giai đoạn trước đó.

Về tội đánh bạc khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự xác định bản chất của hành vi này là: "*Đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật*". Hình phạt được áp dụng đối với tội đánh bạc là phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Ngoài ra, hình phạt phụ là hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt phụ là từ hai triệu đồng đến năm triệu đồng, người phạm tội còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thời kỳ này Nhà nước ta vẫn kế thừa quan điểm nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội của các hành vi cờ bạc. Đồng thời xác định các hành vi cờ bạc bao gồm: đánh bạc, tổ chức đánh bạc và gá bạc. Mặt khác cũng nhận thấy rằng quy định về các tội cờ bạc trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 thể hiện bước phát triển quan trọng trong kỹ thuật lập pháp hình sự. Cùng với Phần chung của Bộ luật hình sự trong đó bao gồm những quy định chung về tội phạm và hình phạt, Điều 200 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 quy định một cách ngắn gọn khoa học về các hành vi phạm tội (hành vi đánh bạc, hành vi tổ chức đánh bạc, hành vi gá bạc) mà không cần liệt kê dài dòng về từng dạng hành vi cụ thể cũng như không cần đưa vào điều luật hành vi của những người đồng phạm khác. Việc đổi mới này làm cho quy định về các tội cờ bạc nói chung và tội đánh bạc nói riêng trở nên ngắn gọn dễ hiểu và khoa học.

Tuy nhiên, quy định của Điều 200 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 cũng còn những hạn chế nhất định, phát sinh những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự về đấu tranh phòng chống đối với các đối tượng đánh bạc nói riêng và các đối tượng tội phạm về cờ bạc nói chung:

Hạn chế đầu tiên có thể nhận thấy rằng: Các tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc cùng được quy định trong một điều luật, các dấu hiệu cấu thành tội đánh bạc gần như không có điểm chung với các dấu hiệu cấu thành tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Vì vậy, tuy đã được sắp xếp ở hai khung khác nhau, nhưng rõ ràng cách quy định này là chưa có tính khoa học.

Hạn chế thứ hai còn tồn tại: Quy định về cả ba tội đều không chỉ rõ ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm đối với các hành vi cờ bạc. Cách quy định này dẫn đến những quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề phạm vi xử lý hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc. Mặc dù quy định tại Điều 200 cần phải dựa trên tinh thần và đặt trong mối tương quan pháp lý của khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 "những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác", nhưng những người áp dụng pháp luật lại có những quan điểm nhận thức khác nhau về ranh giới giữa tính nguy hiểm đáng kể và nguy hiểm không đáng kể đối với các hành vi cờ bạc.

Trong khi đó các văn bản hướng dẫn áp dụng luật hình sự trong suốt thời kỳ Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985 có hiệu lực cũng không đề cập tới vấn đề này. Đối với những tội hoàn toàn có thể tạo ra sự phân định rõ ràng trong luật giữa những trường hợp là tội phạm với những trường hợp không phải là tội phạm như các tội phạm cờ bạc thì việc quy định chung chung như nói ở trên là một hạn chế.[18, tr 22]

Bên cạnh đó, cách quy định tình tiết định khung tăng nặng tại Đoạn 2 Khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 "*phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm*". Việc điều luật quy định như thế này dẫn tới hai cách hiểu khác nhau, tình tiết định khung tăng nặng này được áp dụng cho cả ba tội hay chỉ được áp dụng cho tội tổ chức đánh bạc và gá bạc.

Với những hạn chế trong cơ cấu tại Điều 200 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đã không đủ rõ ràng để tạo ra một cách hiểu thống nhất. Điều luật tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau dẫn tới các ảnh hưởng mang tính tiêu cực trong quá trình áp dụng pháp luật.

Ngoài ra, còn có thể thấy chế tài được quy định cho các tội cờ bạc (bao gồm hình phạt chính được quy định tại Điều 200 và hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 218) còn tương đối nhẹ, chưa đủ răn đe, phòng ngừa những hành vi thực hiện loại tội phạm này. Ngược lại, việc quy định hình phạt bổ sung quản chế hoặc cấm cư trú đối với những người phạm tội cờ bạc là không phù hợp, thiếu ý nghĩa thực tế và tính khả thi. Mặt khác, chỉ riêng tình tiết phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng thì chưa đủ bao quát hết những trường hợp phạm tội mà mức độ nguy hiểm cao hơn đáng kể so với những trường hợp khác.

1.2.2. Quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành về các tội phạm về cờ bạc

1.2.2.1. Quy định về tội phạm

Trong BLHS năm 1999, các tội phạm liên quan đến đánh bạc được quy định thành hai điều luật là Điều 248 và Điều 249. Từ khi BLHS năm 1999 ra đời thì việc xử lý các tội phạm liên quan đến đánh bạc đã theo một chính sách mới, việc định tội danh, hình phạt, nguyên tắc xử phạt, xử lý vật chứng cũng có nhiều điểm mới giúp cho việc cá thể hóa TNHS ngày càng tiến bộ hơn, tuy nhiên do cấu tạo điều luật miêu tả những hành vi khách quan vẫn có nhiều mặt chưa sáng tỏ, nhất là các yếu tố định tội danh và định khung hình phạt, nên thực tiễn xét xử vẫn còn nhiều vướng mắc và có nhiều ý kiến khác nhau, nên các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản để giải thích hướng dẫn đối với các tội phạm liên quan đến đánh bạc như:

- Công văn số 3187/VKSTC-KSĐT.TA ngày 13-12-2002 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn về việc đánh bạc nhiều lần và nhiều người tham gia.

- Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999 (gọi tắt là Nghị quyết số 02).

- Công văn số 105/2003/KHXX ngày 18/8/2003 của TANDTC về việc áp dụng Điều 248 BLHS.

- Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS (gọi tắt là Nghị quyết số 01).

- Công văn số 253/VKSTC-V8 ngày 04/02/2008 của VKSNDTC về việc trao đổi ý kiến việc áp dụng Nghị quyết số 01/20061/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC liên quan đến việc xác định TNHS đối với hành vi chơi lô, đề.

- Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 về việc thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS do Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 (gọi tắt là Nghị quyết số 33).

- Công văn số 105/TANDTC-KHXX ngày 17 tháng 7 năm 2009 của TANDTC về việc thi hành khoản 2 Điều 1, Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 của Quốc hội (gọi tắt là Công văn số 105).

- Ngày 19/6/2009 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII kỳ họp thứ 5 thông qua Luật số 37/2009/QH12 về sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS năm 2009 và Hội đồng thẩm phán TANDTC ban hành Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của BLHS.

Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành quy định tách riêng giữa tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Theo đó, Điều 248 quy định về tội đánh bạc, Điều 249 quy định về tội tổ chức đánh bạc và gá bạc. Việc tách tội đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc và gá bạc thành những điều luật riêng là nhằm cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội do yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong tình hình kinh tế - xã hội mới.

a. Đối với tội đánh bạc

Hành vi đánh bạc được quy định tại Điều 248. Hành vi đánh bạc bị pháp luật hình sự điều chỉnh là "*hành vi đánh bạc trái phép*" có nghĩa là hành vi đánh bạc được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng thực hiện không đúng với quy định

trong giấy phép được cấp. Đối chiếu với quy định tại Khoản 14 Điều 13 Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 thì hoạt động casino là ngành nghề kinh doanh có điều kiện về trật tự xã hội. Cơ sở kinh doanh casino phải đáp ứng các điều kiện như quy định tại Điều 4 Thông tư 33/2010/TT-BCA thì mới được hoạt động. Theo quy định hiện hành thì đối tượng được chơi tại các casino trong nước chỉ giới hạn trong phạm vi người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Như vậy với những cơ sở kinh doanh casino đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và người vào chơi đáp ứng điều kiện như quy định của pháp luật thì theo Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP thì không phải là hành vi đánh bạc trái phép.

Dấu hiệu pháp lý của tội đánh bạc (Điều 248 BLHS) quy định 02 trường hợp phạm tội:

Trường hợp thứ nhất là trường hợp người phạm tội đã có hành vi đánh bạc trái phép và tài sản đánh bạc (tiền hoặc hiện vật) dùng để đánh bạc có giá trị từ hai triệu đồng trở lên. Trước đây quy định xử lý hình sự đối với người đánh bạc có giá trị từ một triệu đồng trở lên.

Trường hợp thứ hai là trường hợp người phạm tội có hành vi đánh bạc trái phép và tài sản dùng để đánh bạc có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng chủ thể là người đã bị kết án về tội này hoặc tội được quy định tại Điều 249 của BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Bộ quy định truy cứu TNHS tội đánh bạc trường hợp người đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc mà còn vi phạm

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị Quyết 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn khi xác định TNHS đối với người đánh bạc không được tính tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của tất cả các lần đánh bạc để xem xét, cụ thể như sau:

+ Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc đều dưới mức tối thiểu để truy cứu TNHS (dưới 2.000.000 đồng) và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu TNHS (đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của BLHS, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm) thì người đánh bạc không phải chịu TNHS về tội đánh bạc;

+ Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của lần đánh bạc nào bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS (từ 2.000.000 đồng trở lên) thì người đánh bạc phải bị truy cứu TNHS về tội đánh bạc đối với lần đánh bạc đó;

+ Trường hợp đánh bạc từ hai lần trở lên mà tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS (từ 2.000.000 đồng trở lên) thì người đánh bạc phải bị truy cứu TNHS về tội đánh bạc với tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 48 của BLHS;

+ Trường hợp đánh bạc từ năm lần trở lên mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu TNHS (từ 2.000.000 đồng trở lên) và lấy tiền, hiện vật do đánh bạc mà có làm nguồn sống chính thì người đánh bạc phải bị truy cứu TNHS về tội đánh bạc với tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 248 BLHS.

Khi xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc chia 02 trường hợp:

+ Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc.

+ Trường hợp đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... thì một lần chơi số đề, một lần cá độ bóng đá, một lần cá độ đua ngựa (để tính một lần đánh bạc) được hiểu là tham gia chơi có thể chơi làm nhiều đợt. TNHS được xác định đối với người chơi một lần đánh bạc trong trường hợp này là tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để chơi trong các đợt đó.

Việc xác định số tiền hoặc hiện vật của người chơi đề, cá độ và của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa xác định như sau:

+ Trường hợp người chơi số đề, cá độ có trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ cộng với số tiền thực tế mà họ được nhận từ chủ đề, chủ cá độ.

+ Trường hợp không thắng cược hoặc bị phát hiện, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ bỏ ra để mua số đề, cá độ.

+ Trường hợp có người chơi số đề, cá độ trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là toàn bộ số tiền thực tế mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ và số tiền mà chủ đề, chủ cá độ phải bỏ ra trả cho người trúng (có thể là một hoặc nhiều người).

+ Trường hợp không có người chơi số đề, cá độ trúng số đề, thắng cược cá độ hoặc bị phát hiện, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng, kết quả bóng đá, kết quả đua ngựa... thì số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ.

b. Đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì chỉ phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép "với quy mô lớn" khi thuộc thuộc một trong 03 trường hợp sau:

- Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong cùng một lúc cho từ mười người đánh bạc trở lên hoặc từ hai chiếu bạc trở lên mà số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

- Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc; khi đánh bạc có phân công người canh gác, người phục vụ, có sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện như ô tô, xe máy, xe đạp, điện thoại,... để trợ giúp cho việc đánh bạc;

- Tổng số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên.

Nếu không thuộc các trường hợp tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc với quy mô lớn nêu trên thì chỉ phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 249) trong trường hợp sau: Đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều 249 và Điều 248 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

1.2.2.2. Quy định về hình phạt

Hình phạt đối với các tội phạm liên quan đến đánh bạc được chia thành hai khung và hình phạt bổ sung được quy định tại Khoản 3 của Điều 248, Khoản 3 Điều 249 BLHS Việt Nam năm 1999.

a. Khung cơ bản

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 248 BLHS Việt Nam năm 1999 thì người phạm tội đánh bạc có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Khung hình phạt cao nhất là ba năm tù.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 249 BLHS Việt Nam năm 1999 thì người phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm. Khung hình phạt cao nhất là đến năm năm tù.

Ngoài ra liên quan đến việc xử phạt hành chính về "hành vi đánh bạc trái phép" Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình tại Điều 26 có quy định:

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mua các số lô, số đề.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đánh bạc sau đây:

a/ Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, ba cây, tứ sắc, đò đen, cờ thẻ hoặc các hình thức khác mà được, thua bằng tiền, hiện vật;

b/ Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép;

c/ Cá cược bằng tiền hoặc các hình thức khác trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động khác;

d/ Bán bản đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề.

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a/ Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác; b/ Che giấu việc đánh bạc trái phép.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tổ chức đánh bạc sau đây:

a/ Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép;

b/ Dùng nhà, chỗ ở của mình hoặc phương tiện, địa điểm khác để chứa bạc;

c/ Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép;

d/ Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tổ chức đánh đề sau đây:

a/ Làm chủ lô, đề;

b/ Tổ chức sản xuất, phát hành bản đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề;

c/ Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề;

d/ Tổ chức hoạt động cá cược trong hoạt động thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền.[12, Điều 26]

b. Khung tăng nặng

Đối với những người thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội và có các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là:

Đối với tội đánh bạc (Điều 248) khung hình phạt tăng nặng có mức cao nhất là 7 năm tù, được áp dụng cho trường hợp: Có tính chất chuyên nghiệp; Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên; Tái phạm nguy hiểm.

Đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 249) khung hình phạt tăng nặng có mức hình phạt cáo nhất là mười năm tù, được áp dụng cho các trường hợp: Có tính chuyên nghiệp; thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn; tái phạm nguy hiểm.

c. Hình phạt bổ sung

Ngoài ra còn có hình phạt bổ sung. Đối với các tội phạm liên quan đến đánh bạc thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội đánh bạc có thể bị phạt tiền từ ba

triệu đồng đến ba mươi triệu đồng. Chỉ áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung khi không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Ngoài ra, theo Nghị quyết 01/2010/NQHĐTP có quy định: *Người tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thuộc trường hợp chưa đến mức được hướng dẫn tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này, nếu tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì tuy họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về "tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" nhưng họ phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc.*

Năm 2015, Nhà nước ta ban hành Bộ luật Hình sự mới, theo kế hoạch ban đầu sẽ có hiệu lực vào ngày 1/7/2016. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau, đến nay Bộ luật này đã bị hoãn thi hành chưa xác định thời hạn. Do đó, Bộ luật Hình sự 1999 vẫn là Bộ luật Hình sự hiện hành. Việc xem xét tội phạm về cờ bạc cũng chỉ dừng lại ở Bộ luật này. Trong tương lai, khi có những sự thay đổi về tính hiệu lực của Bộ luật Hình sự 2015, tác giả sẽ làm rõ trong các công trình ở tương lai.

Như vậy có thể thấy, các tội phạm về cờ bạc đã được xác định từ thời kỳ phong kiến và có lịch sử phát triển cùng nền pháp lý quốc gia. Cho đến nay, với sự phát triển của kinh tế, xã hội, các hành vi của tội phạm về cờ bạc có diễn biến hết sức phức tạp và tinh vi. Những quy định của pháp luật hiện hành về tội danh này bên cạnh những giá trị vẫn còn tồn tại và giữ vai trò quan trọng trong đấu tranh, phòng chống tệ nạn cờ bạc thì cũng đã xuất hiện nhiều vướng mắc so với đòi hỏi của thực tiễn áp dụng. Chương 1 đã làm rõ những vấn đề lý luận và tổng quan các tội phạm về cờ bạc ở Việt Nam hiện nay. Trên kết quả đó sẽ tạo dựng những cơ sở làm tiền đề cho việc xem xét, đánh giá thực tiễn công tác áp dụng pháp luật điều chỉnh các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CÁC TỘI VỀ CỜ BẠC TỪ THỰC TIỄN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

2.1. Định danh các tội về các tội phạm về cờ bạc

2.1.1. Cơ sở lý luận của định tội danh các tội phạm về cờ bạc

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự diễn ra phức tạp và đa dạng, được thể hiện ở 3 giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt, và quyết định hình phạt. Trong đó, định tội danh là giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Bởi vì, định tội danh được tiến hành ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Trong khi đó bước quyết định hình phạt chỉ được tiến hành thực hiện ở giai đoạn xét xử.

Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong Bộ luật Hình sự. Hay nói cách khác, Định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của tội nào trong số các tội phạm đã được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Trong khoa học pháp lý, Định tội danh được hiểu là: việc xác định sự phù hợp của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm tương ứng đã được quy định trong pháp luật hình sự. Như vậy, định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự.

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, khái niệm định tội danh được hiểu ở hai nghĩa. Trước hết, định tội danh là một quá trình logic nhất định, là hoạt động của con người về việc xác nhận và ghi nhận sự phù hợp giữa trường hợp phạm tội cụ thể đang xem xét với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự. Thứ hai, định tội danh là việc đánh giá

về mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hai nghĩa này có sự quan hệ mật thiết với nhau trong khái niệm định tội danh.

Việc định tội danh hết sức quan trọng vì nó sẽ quyết định đến kết quả của hoạt động định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Cụ thể:

Nếu định tội danh đúng sẽ mang đến các lợi ích:

- Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hoá trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật;

- Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm;

- Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

Song nếu định tội danh sai, sẽ mang đến những tác hại:

- Định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền;

- Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng đến hiệu quả của đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thực tế, việc định tội danh không đúng trên đã dẫn đến rất nhiều trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội. Định tội danh là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự, người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với người thực hiện hành vi phạm tội ấy.

Như vậy, định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự.

Định tội danh cũng có nghĩa là một trong những hình thức hoạt động về mặt pháp lý, là sự đánh giá về mặt pháp lý đối với các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người có thẩm quyền đang xem xét, xác định hành vi được quy định ở điều nào của Bộ luật hình sự. Hay định tội danh là kết luận về sự phù hợp giữa trường hợp phạm tội cụ thể đang được xem xét với khái niệm về loại tội tương ứng được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự, tức là việc lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng đối với hành vi cụ thể đang xem xét. Điều đó cũng có nghĩa là sự xác định hành vi xảy ra trong thực tế là hành vi tội phạm. Như vậy, định tội danh thực chất là sự xác định về mặt pháp lý đối với hành vi phạm tội xảy ra trong thực tế. Do đó, điều có ý nghĩa quan trọng trong quá trình định tội danh là phải tìm được những dấu hiệu cơ bản, điển hình và quan trọng nhất, phải chỉ ra những dấu hiệu cần và đủ để xác định thực chất của hành vi xảy ra trong thực tế. Đồng thời, khi đối chiếu các dấu hiệu đó với các dấu hiệu được quy định trong một quy phạm pháp luật hình sự phải đưa ra kết luận rằng nhà làm luật khi ban hành quy phạm pháp luật đó là để áp dụng cho những trường hợp phạm tội cụ thể đang được xem xét.

Nhưng áp dụng quy phạm pháp luật hình sự là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành một cách tuần tự từ cái chung đến cái riêng. Tội phạm là một loại vi phạm pháp luật nói chung. Do đó, khi định tội danh, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thực hiện đầy đủ các bước cơ bản, đảm bảo cho quá trình xác định tội phạm được chính xác. Trước hết, cần phải xác định có hay không có hành vi phạm tội, đó là hành vi phạm tội hay chỉ đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật khác. Đặc biệt, trong quá trình phân định loại vi phạm pháp luật cần chú ý đến khả năng loại trừ tính chất phạm tội của hành vi, như trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hay người thực hiện hành vi không có năng lực trách nhiệm hình sự. Sau đó, cần xác định xem hành vi đó vi phạm điều khoản cụ thể nào của Bộ luật hình sự và trên cơ sở đó định tội cho phù hợp.

Ngoài ra, định tội danh là hoạt động được thực hiện ở tất cả các giai đoạn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và được tiến hành bởi hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng, từ khi khởi tố vụ án cho tới khi bản án hình sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình phải ra Quyết định khởi tố vụ án. Khi đã có đầy đủ căn cứ để xác định một người có hành vi phạm tội thì ra Quyết định khởi tố bị can và phải ghi rõ tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng (Điều 126 Bộ luật Tố tụng hình sự). Kết thúc hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra làm bản Kết luận điều tra chuyển sang Viện kiểm sát. Từ bản Kết luận điều tra này, theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng cáo trạng ghi rõ tội danh và điều khoản của Bộ luật hình sự cần được áp dụng.

Đối với Tòa án, việc kiểm tra, xem xét định tội danh được thực hiện ngay trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Sau khi nhận được hồ sơ của Viện kiểm sát, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ kiểm tra việc truy tố có căn cứ hay không và tùy trường hợp có quyền quyết định: đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Khi ra bản án, vấn đề xác định tội danh có ý nghĩa rất lớn. Vì không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 Bộ luật TTHS). Tại Điều 224 Bộ luật TTHS quy định: Trong bản án phải trình bày việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội, xác định bị cáo có phạm tội hay không và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự... Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm việc xem xét định tội danh đã đúng hay chưa cũng rất được quan tâm, vấn đề này được thể hiện tại các Điều 248, 285, 298 Bộ luật TTHS.

Định tội danh đối với các tội về cờ bạc cũng tuân theo những giá trị lý luận chung của định tội danh trong công tác tố tụng hình sự nói chung. Cơ sở pháp lý của định tội danh các tội về cờ bạc bao gồm Điều 248, Điều 249 của BLHS và Điều

248, Điều 285 và Điều 298 của Bộ luật TTHS. Các cơ sở pháp lý này hàm chứa những vấn đề chưa đồng nhất, do đó khi tiến hành tố tụng các tội về cờ bạc cần thực hiện việc định tội danh một cách cẩn thận để đảm bảo tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh các tội phạm về cờ bạc từ thực tiễn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Thực trạng các tội phạm về cờ bạc những năm qua trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang có những diễn biến phức tạp và theo chiều hướng tăng cả về số vụ lẫn số người vi phạm. Qua thống kê và phân tích số liệu các kết quả báo cáo tình hình các tội phạm về cờ bạc của Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giai đoạn 2011-2015, có thể đưa ra một số nhận định chung như sau:

Thứ nhất, tội phạm về cờ bạc đang là một vấn nạn trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, bài trừ tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Các tội phạm về cờ bạc chiếm tỉ lệ lớn trong cơ cấu tội phạm của địa bàn, tác động không nhỏ đến xã hội và đời sống người dân;

Thứ hai, nhìn chung, kết quả trên chỉ là một thể hiện mặt nổi của tình trạng tội phạm cờ bạc trên địa bàn huyện. Bởi xu hướng của tình trạng này đang diễn biến hết sức phức tạp, việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật vào phạm tội làm cho tính chất của hoạt động tinh vi, khó phát hiện. Đồng thời sự móc nối, tổ chức đánh bạc có quy mô, tầng nấc hơn do đó một phần không nhỏ các tội phạm về cờ bạc chưa bị phát hiện, xử lý;

Thứ ba, các tội phạm về cờ bạc có xu hướng phát triển đối với nhóm người trẻ tuổi và dân tộc thiểu số. Đặc biệt khi tình trạng bỏ học gia tăng, tội phạm về cờ bạc ở nhóm này cũng tỷ lệ thuận theo. Hành vi phạm tội của các đối tượng này thường có liên đới đến các hành vi phạm tội khác như: trộm cắp, cướp giật, gây rối trật tự công cộng...

Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có thể kể đến một số nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

Thứ nhất, với việc phát triển của thương hiệu vải Lục Ngạn và trong những năm trở lại đây, thu nhập từ nông sản này đang có xu hướng tăng cao do tìm ra những thị trường tiêu thụ mới, cộng với thu nhập từ các lao động ở khu công nghiệp lân cận hay xuất khẩu lao động theo vụ mùa tại Trung Quốc đã giúp cho đời sống người dân ngày càng tăng, nguồn tiền dư dả xuất hiện. Trong khi đó, đời sống người dân vẫn tào ra và

giữ khoảng thời gian nông nhàn. Đặc biệt trước và sau tết nguyên đán, người dân ngừng hầu hết các hoạt động sản xuất và kéo dài các hoạt động vui chơi. Chính những ngày nghỉ này cùng với điều kiện dư dả về tiền bạc đã là một cơ sở chính cho việc nảy sinh và phát triển các tội phạm về cờ bạc ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang hiện nay;

Thứ hai, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ chiếm 13% tổng số lao động. Điều này đồng nghĩa với tỷ lệ lao động phổ thông ở địa bàn cao, trình độ văn hoá, dân trí thấp. Cộng với đó, một bộ phận dân tộc thiểu số vẫn chưa có thói quen tiết kiệm tiền bạc và dễ bị các tệ nạn lôi kéo đã trở thành yếu tố quan trọng duy trì tệ cờ bạc trên địa bàn huyện;

Thứ ba, mặc dù tích cực đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung và tội phạm cờ bạc nói riêng, song lực lượng bảo vệ pháp luật đấu tranh các tội phạm về cờ bạc hiện nay còn khá mỏng và yếu. Bên cạnh đó, sự ý thức, phối hợp và tố giác của người dân đối với tội phạm này còn thấp, thậm chí trong nhiều trường hợp, người dân lại là nhân tố cản trở cơ quan chức năng thi hành pháp luật

Đối với tổng số vụ án và bị cáo của tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được thể hiện chi tiết tại Bảng 2.1.

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tội đánh bạc		Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc		Tỷ lệ (III) và (I) (%)	Tỷ lệ (IV) và (II) (%)	Tỷ lệ (V) và (I) (%)	Tỷ lệ (VI) và (II) (%)
	(I)	(II)	Tổng số vụ án xét xử	Tổng số bị cáo xét xử	Tổng số vụ án xét xử	Tổng số bị cáo xét xử				
			(III)	(IV)	(V)	(VI)				
2011	123	434	101	332	22	102	82,1	76,4	17,9	23,5
2012	215	553	192	311	23	242	89,3	56,2	10,7	43,7
2013	218	567	200	422	18	145	91,7	74,4	8,25	25,5
2014	243	689	217	455	26	234	89,3	66	10,6	33,9
2015	269	745	213	661	56	184	79,1	88,7	20,8	24,6
Tổng cộng	1.068	2.899	923	2.181	145	907	86,4	75,2	13,5	31,2

Bảng 2.1. Tổng số các vụ án xét xử về tội cờ bạc trong 5 năm (2011-2015) trên địa bàn huyện Bắc Giang

(Nguồn tác giả tự tổng hợp)

Theo đó, từ năm 2011 đến năm 2015, toàn huyện có 1.068 vụ án liên quan đến các tội về cờ bạc với 2.899 bị cáo bị đưa ra xét xử. Tổng số vụ án và bị cáo hằng năm có xu hướng tịnh tiến tăng. Trong đó, tội đánh bạc chiếm đa số vụ án và bị cáo. Cụ thể, tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội đánh bạc qua 5 năm là 923 vụ, chiếm 86,4% trên tổng số vụ án liên quan đến các tội về cờ bạc. Tương tự, số lượng bị cáo xét xử là 2.181 người chiếm 75,2% tổng số bị cáo xét xử các tội về cờ bạc nói chung.

Tổng số vụ án, bị cáo xét xử về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong mối tương quan với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong từ năm 2011 đến năm 2015 tại địa bàn huyện được thể hiện tại Bảng 2.2 như sau:

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tội đánh bạc		Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc		Tỷ lệ (III) và (I) (%)	Tỷ lệ (IV) và (II) (%)	Tỷ lệ (V) và (I) (%)	Tỷ lệ (VI) và (II) (%)
			Tổng số vụ án xét xử	Tổng số bị cáo xét xử	Tổng số vụ án xét xử	Tổng số bị cáo xét xử				
			(I)	(II)	(III)	(IV)				
2011	331	1.280	101	332	22	102	30,5	25,9	6,6	7,5
2012	419	1.349	192	311	23	242	45,8	23	5,5	18
2013	339	1.552	200	422	18	145	59	27,1	5,3	9,3
2014	336	1.564	217	455	26	234	64,5	29	7,7	14,9
2015	377	2.003	213	661	56	184	56,4	33	14,8	9,1
Tổng cộng	1.802	7.748	923	2.181	145	907	51,2	28,1	8	11,7

Bảng 2.2. So sánh tội cờ bạc với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong 05 năm (2011-2015) trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

(Nguồn tác giả tự tổng hợp)

Từ số liệu liệt kê có thể thấy, tổng số vụ án về tội đánh bạc chiếm 51,2% và tổng số vụ án về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc chiếm 8% tổng số vụ án về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng nâng tổng số vụ án các tội về cờ bạc nói chung lên tỉ lệ 59,2%.

Trong khi đó, số lượng bị cáo xét xử của tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc lần lượt là 28,1% và 11,7%. Như vậy tổng số bị cáo xét xử các tội về cờ bạc nói chung chiếm 39,8% so với tổng số bị cáo xét xử liên quan đến các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong 5 năm qua trên địa bàn huyện.

Khi xem xét nhân thân của tội phạm đánh bạc, cho thấy rằng đa số bị cáo trên 18 tuổi với 1999 người, chiếm 94,3% tổng số bị cáo. Mặc dù bị cáo bị kết án khi chưa đủ tuổi thành niên chỉ có 182 người, chiếm 8,5% nhưng điều đáng báo động là xu hướng nhóm bị cáo này đang tăng. Cụ thể vào năm 2011, chỉ có 25 bị cáo dưới 18 tuổi chỉ có 25 người, đến năm 2015 đã tăng lên 57 người. Nhóm bị cáo này đa phần đã bỏ học, sống lêu lổng và có liên quan đến các tội danh khác như trộm cắp, đua xe... Một đặc điểm cần xem xét đó là tỷ lệ của người dân tộc thiểu số, ít người. Qua số liệu, có 88 người thuộc nhóm này, chiếm 4,1% tổng số bị cáo bị xét xử về tội đánh bạc. Mặc dù tỷ lệ này là thấp, song so với tổng dân số là người dân tộc thiểu số, ít người đang sinh sống trên địa bàn huyện lại là một con số phải lưu tâm. Cụ thể của các thống kê này được thể hiện tại Bảng 2.3.

Năm	Phân tích đặc điểm nhân thân các bị cáo bị xét xử về tội đánh bạc								
	Cán bộ, công chức	Đảng viên	Cấp ủy viên từ cấp huyện trở lên	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Nghiện ma túy	Dân tộc thiểu số, ít người	Nữ giới	Người chưa thành niên	Người từ đủ 18 tuổi trở lên
2011				5	1	14	61	25	333
2012				3		24	49	31	310
2013				2	3	22	52	28	350
2014					4	25	65	41	422
2015		3		5			78	57	584
Tổng cộng		3		15	8	88	305	182	1999

Bảng 2.3. Phân tích đặc điểm nhân thân đối với bị cáo phạm tội đánh bạc trong 05 năm (2009 - 2013) trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

(Nguồn tác giả tự tổng hợp)

Đối với các bị cáo bị xét xử về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, theo số liệu thống kê cho thấy một số đặc điểm sau: Số lượng người trên 18 tuổi chiếm tới 99,5%, trong đó có 1,1% là tái phạm và tái phạm nguy hiểm trên tổng số bị cáo bị xét xử về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trên địa bàn từ năm 2011 đến năm 2015. Điều đặc biệt là ở chỗ, nếu như tỷ lệ nữ giới bị xét xử tội đánh bạc là 14,4% tổng số bị cáo, thì tỷ lệ của nhóm này đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc chiếm 30%. Trong đó chủ yếu là những người kinh doanh các quán ăn nhỏ. Cụ thể các kết quả này được trình bày tại Bảng 2.4.

Năm	Phân tích đặc điểm nhân thân các bị cáo bị xét xử về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc								
	Cán bộ, công chức	Đảng viên	Cấp ủy viên từ cấp huyện trở lên	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Nghiện ma túy	Dân tộc thiểu số, ít người	Nữ giới	Người chưa thành niên	Người từ đủ 18 tuổi trở lên
2011				1			80		104
2012				6			45		118
2013							100	1	206
2014				1			61		217
2015				2			66	3	258
Tổng cộng				10			272	4	903

Bảng 2.4. Phân tích đặc điểm nhân thân đối với bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong 05 năm (2009 - 2013) trên địa bàn huyện

Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

(Nguồn tác giả tự tổng hợp)

Nghiên cứu các bản án, tác giả thấy rằng thực tiễn định tội danh các tội về cờ bạc ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tồn tại một số vướng mắc sau:

a. Vấn đề xác định các loại phương tiện thanh toán việc được thua của tội đánh bạc

Thứ nhất, theo quy định tại Khoản 1, Điều 248 Bộ luật Hình sự thì phương tiện phạm tội phải là một trong hai loại: tiền hoặc hiện vật. Tuy nhiên cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, phương tiện phạm tội của tội đánh bạc được xác định bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, các giấy tờ có giá trị thanh toán khác hoặc đồ vật, các quyền về tài sản được dùng để đánh bạc. Như vậy, thực ra khái niệm này được hiểu rộng so với từ ngữ dùng để diễn đạt, nói cách khác nó được hiểu theo nghĩa của khái niệm tài sản. Pháp Luật quy định phương tiện phạm tội chỉ là tiền hoặc hiện vật dẫn đến nhiều vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, nhiều trường hợp các cơ quan tố tụng lúng túng khi xác định số tiền và giá trị tài sản dùng để đánh bạc.

Ví dụ: Hồi 17g 40phút ngày 24.08.2004, Công an Tỉnh Bắc Giang bắt quả tang tại nhà riêng của Hoàng Văn An ở Tổ 42, phố Tiên Phú, Phường Tiên Cát, huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang tổ chức cho 10 đối tượng đánh bạc. Vật chứng thu được gồm một bộ bài tú lơ khơ (58 quân), nhiều bài tú lơ khơ cũ, tổng số tiền mặt là 2 triệu 463 ngàn đồng, 08 quyển sổ tiết kiệm có số tiền là 660 triệu đồng, 03 trái phiếu của ngân hàng nông nghiệp Việt Nam trị giá 80 triệu đồng, 01 quyển sổ ghi nợ, 112 giấy biên nợ cùng một số hiện vật khác.

Trong các vụ án như trường hợp nêu trên, nếu chiếu theo đúng những quy định của điều luật thì chỉ tính giá trị của tiền hay hiện vật để làm căn cứ định tội, định khung hình phạt mà không tính đến giá trị của các tài sản khác như sổ tiết kiệm, trái phiếu... đây là một thiếu sót rất lớn. Mặt khác, các con bạc có thể lợi dụng kẽ hở này, chúng sẽ không sử dụng số tiền hay hiện vật dùng để đánh bạc mà sử dụng các tài sản khác như giấy tờ trị giá được bằng tiền hay quyền tài sản để đánh bạc, trong các tình huống đó sẽ không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhưng trên thực tế xét xử Tòa án vẫn tính tổng giá trị của các tài sản dùng để đánh bạc.

Từ thực tiễn nêu trên, thiết nghĩ, pháp luật nên quy định phương tiện thanh toán việc được, thu của tội đánh bạc là “tài sản”, thay vì quy định là “tiền hoặc hiện vật”. Bởi quy định phương tiện thanh toán là “tài sản” sẽ phù hợp cả về mặt lý luận và thực tiễn. Nếu như chỉ quy định phương tiện thanh toán là “tiền hoặc hiện vật”

thì trong nhiều tình huống sẽ không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi đánh bạc có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

Bên cạnh đó, việc xác định hiện vật nào được dùng để đánh bạc và giá trị quy đổi sang đơn vị tiền tệ ra sao vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ, vì vậy, cần có một văn bản hướng dẫn cụ thể vấn đề trên, để tạo điều kiện cho các cơ quan tố tụng áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Bộ luật dân sự 2005 quy định: Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá, và quyền tài sản khác. Như vậy chỉ cần quy định là việc dùng tài sản là đánh bạc sẽ được coi là vi phạm là đủ

Thứ hai, thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử cho thấy, đối với khoản tiền hoặc hiện vật thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc, thì việc xác định khoản tiền hay hiện vật dùng để đánh bạc không có gì khó khăn, vướng mắc. Nhưng đối với khoản tiền hay hiện vật thu giữ được trong người các con bạc hoặc ở những nơi khác, thì việc xác định đây có phải là khoản tiền hay hiện vật đã được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc hay không là vấn đề không phải đơn giản, vì thông thường các con bạc sẽ không khai nhận về điều đó. Nếu không có căn cứ xác định tiền hoặc hiện vật này đã được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc, thì theo nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo, các cơ quan tiến hành tố tụng không được truy cứu trách nhiệm hình sự đối với con bạc về khoản tiền hoặc hiện vật này theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Hòa mang theo 10 triệu đồng để đánh bạc cùng 9 người bạn, Tuấn bỏ ra 500.000 đồng chơi bạc số tiền còn lại Tuấn vẫn để trong áo, nói là để đi trả nợ cho anh trai. Khi bị công an bắt, Tuấn khai rằng chỉ tham gia đánh bạc cho vui với số tiền 500.000 đồng. Việc xác định Tuấn có dùng số tiền còn lại để chơi bạc hay không thực sự là một vấn đề khó trong thực tiễn xử lý người có hành vi đánh bạc của các cơ quan điều tra.

Tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HDTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì : *“Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc”* bao gồm: a) *Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng để đánh bạc;* b) *Tiền hoặc hiện vật thu giữ được ở những nơi khác mà có đủ căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng để đánh*

bạc”. Quy định này của Nghị quyết là không rõ ràng. Phải hiểu thế nào là “có đủ căn cứ xác định” cho đúng thì không có văn bản hướng dẫn một cách chính thức, cụ thể. Quy định này rất dễ bị lợi dụng, các con bạc bằng nhiều cách làm số tiền hoặc hiện vật của cơ quan điều tra thu giữ được không bị coi là đã hoặc sẽ được dùng để đánh bạc.

Kế hở này của pháp luật không chỉ tạo điều kiện cho các con bạc tránh được sự truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn tạo điều kiện cho một bộ phận không nhỏ cán bộ công an lợi dụng quy định này để nhận hối lộ từ các con bạc. Với mong muốn số tài sản bị thu giữ ghi trong biên bản có giá trị nhỏ, ít hơn trên thực tế, các con bạc thường xuyên có hành vi đưa hối lộ các chiến sỹ công an. Đã có nhiều trường hợp, các chiến sỹ công an nhận hối lộ từ các con bạc, từ đó cố tình bỏ sót rất nhiều tình tiết của vụ án đặc biệt là số lượng và giá trị tài sản thu giữ được tại hiện trường.

Từ thực tiễn trên đặt ra yêu cầu là phải có một văn bản hướng dẫn cụ thể cách xác định phương tiện thanh toán cho việc được, thua của tội đánh bạc, điều này không chỉ có ý nghĩa cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi đánh bạc mà còn góp phần đẩy lùi nạn tham nhũng đang ngày một gia tăng ở nước ta.

b. Vấn đề xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc

Điều 248 BLHS vẫn còn chưa thống nhất về việc xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng vào việc phạm tội, nên đối với việc xác định tội danh còn có nhiều ý kiến khác nhau, đặc biệt là trong trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc. Xin đưa ra một ví dụ tại huyện Lục Ngạn sau:

Lưu Văn Dương, Nông Văn Sỹ, Triệu Văn Chiến, Vi Văn Vìn, Hoàng Văn Sợi gặp nhau tại cánh đồng thôn Khuân Lương, Tân Hoa, Lục Ngạn vào buổi tối ngày 21/4/2015. Tất cả cùng hưởng ứng chơi đánh bài ăn tiền... Trước khi vào đánh bài, từng người mang theo số tiền là: Dương 8 triệu đồng, Sỹ 3 triệu đồng, Chiến 4 triệu đồng, Vìn 1 triệu đồng, Sợi mang theo 7 triệu đồng nhưng không tham gia chơi. Trong quá trình đánh, Sỹ có mượn của Sợi 3 triệu đồng, sau vài ván thắng, Sỹ đã cho Sợi 3 trăm ngàn đồng. Sau 1 giờ chơi bạc, đã trả đủ số tiền đã vay.

Trong khi cả bốn người trên đang đánh bài, Nguyễn Văn Hàng đến chơi, thấy vậy cũng tham gia đánh bài ăn tiền, sau khi thua hết số tiền 4 trăm ngàn đồng mang theo, Hàng ra về, còn lại vẫn tiếp tục chơi.

Nhận được tin báo, lực lượng công an đã được huy động và bắt quả tang nhóm đối tượng trên đang đánh bài ăn tiền. Vật chứng thu được gồm 23 triệu 4 trăm ngàn đồng, 2 bộ bài tú lơ khơ (loại 52 lá/ bộ), 1 điện thoại di động.

Trong quá trình giải quyết vụ án có hai ý kiến khác nhau về việc định tội danh đối với một số bị cáo: Ý kiến thứ nhất cho rằng: Bị cáo Hàng không phạm tội danh đánh bạc, vì số tiền Hàng mang theo chỉ có 4 trăm ngàn đồng; bị cáo Sợi không phạm tội đánh bạc vì chỉ ngồi xem chứ không tham gia đánh bạc, số tiền Sợi mang theo không dùng cho việc đánh bạc. Còn các bị cáo: Lưu Văn Dương, Nông Văn Sỹ, Triệu Văn Chiến, Vi Văn Vin, phạm tội đánh bạc quy định tại Khoản 1 Điều 248 BLHS. Ý kiến thứ hai cho rằng: Toàn bộ các bị cáo đều phạm tội đánh bạc theo quy định tại Khoản 1, Điều 248 BLHS.

Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành thì: trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc sẽ xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc. Với vụ án trên, số tiền dùng để đánh bạc (để quy định tội danh, định khung hình phạt) phải là tổng số tiền của những người đã tham gia trong lần đánh bạc tại sới bạc. Các bị cáo Dương, Sỹ, Chiến, Vin, Hàng cùng đánh bạc với nhau, trong đó, Hàng chỉ tham gia với số tiền là 4 trăm ngàn đồng; Sợi không thực hiện hành vi đánh bạc nhưng đã tham gia với vai trò giúp sức. Do vậy, căn cứ vào tổng số tiền mà các bị cáo đã dùng để đánh bạc là 23 triệu 4 trăm ngàn đồng, tất cả các bị cáo trên đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc quy định tại Khoản 1, Điều 248 BLHS. Số lượng tiền của Hàng tham gia đánh bạc và hành vi giúp sức của Sợi không loại trừ trách nhiệm hình sự, mà chỉ có ý nghĩa về mặt cá thể hóa hình phạt với từng bị cáo trong vụ án này.

Xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc trong trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc trên thực tế là một vấn đề khó. Cần có sự phân biệt giữa hai trường hợp đánh bạc là: “*hiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau*”

và “*một người đánh bạc với nhiều người*”, bởi tùy từng trường hợp mà các căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự khác nhau. Tại khoản 4 Nghị quyết số 01/2010 có quy định trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau, vậy hiểu khái niệm “đánh bạc với nhau” như thế nào thì chưa có hướng dẫn. Đánh bạc với nhau được hiểu là trực tiếp ăn thua với nhau hay chỉ ngồi chung sòng bạc? Chẳng hạn, ở hình thức chơi bài cào, người ta thường chơi theo hai dạng: một là, các con bạc đặt số tiền như nhau vào giữa, lật bài ai lớn điểm thì gom hết; hai là, từng con bạc ăn thua trực tiếp với người làm cái. Với dạng thứ nhất thì khái niệm “đánh bạc với nhau” đã rõ, nhưng với dạng thứ hai thì còn nhiều tranh cãi. Khi bắt, công an có được xem những người đánh bạc ngồi cùng sòng dù không hề ăn thua với nhau là đang “đánh bạc với nhau”, từ đó, cộng tất cả số tiền trên chiếu bạc để làm căn cứ xử lý hay không là một vấn đề cần được pháp luật hướng dẫn cụ thể.

Bên cạnh đó, xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc trong trường hợp “cá độ ké” cũng đang là một vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. “Cá độ ké” là một hiện tượng ngày càng trở nên phổ biến trong xã hội. Các con bạc tham gia đánh bạc không với tư cách độc lập mà thường góp vốn ăn thua cùng với nhà cái hoặc với con bạc khác. Xử lý các trường hợp “cá độ ké” trên thực tiễn đã gặp nhiều khó khăn xoay quanh việc các con bạc phải cùng gánh chung một khung hình phạt truy tố hay được tách ra tính số tiền đánh bạc của riêng từng người để xử lý. Thực tiễn đang có sự phân biệt giữa “ké với nhà cái” và “ké với con bạc”, đồng thời cách xử lý mỗi trường hợp này cũng khác nhau.

Ví dụ: Nguyễn Văn Hòa cá độ ké với nhà cái do Phan Văn Trường làm chủ trong một kì đua ngựa. Nếu Hòa thắng thì Trường được hưởng 20% số tiền thắng; nếu Hòa thua thì Trường phải chịu 10% số tiền thua. Kỳ đua ngựa lần này diễn ra vào ngày 19/09/2011. Trước khi có kết quả đua ngựa, Nguyễn Văn Hòa đã bị lực lượng công an bắt giữ lập biên bản và khởi tố vụ án. Tổng số tiền dùng để cá độ được xác định là 19 triệu đồng. Vấn đề đặt ra trong trường hợp trên là: Trường sẽ phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số tiền đánh bạc của Hoà (căn cứ định tội, định khung hình phạt) hay chỉ phải chịu trách nhiệm về phần 10% của mình?

Cũng với ví dụ trên, nhưng chỉ khác: Hòa là con bạc, Trường “cá độ ké với con bạc” để ăn thua với nhà cái. Trong trường hợp này, các con bạc phải cùng gánh chung một khung hình phạt truy tố hay được tách ra tính số tiền đánh bạc của riêng từng người để xử lý? Bởi nếu, không tính đến 10% để tách tiền đánh bạc thì Trường sẽ bị truy tố về tội đánh bạc theo Điều 248 BLHS, còn nếu tách số tiền đánh bạc của riêng Trường thì có thể chỉ bị xử phạt hành chính mà không bị truy cứu về hình sự do chưa đủ mức định lượng (2 triệu đồng).

Có thẩm phán cho rằng “ké với nhà cái” cũng phải bị xử lý về cùng điều khoản truy tố với nhà cái để thể hiện tính nghiêm khắc của những kẻ tổ chức. Còn trường hợp “ké với con bạc” thì không thể xử lý cùng điều khoản truy tố mà phải tách ra, tính số tiền đánh bạc của riêng từng người. Do không thống nhất trong cách xử lý trường hợp “cá độ ké” mà trong thực tế mỗi cơ quan tố tụng đưa ra những quyết định khác nhau.

Theo quan điểm cá nhân, tôi cho rằng nên tách số tiền đánh bạc của riêng từng người để xử lý. Điều này phù hợp với nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm trong Luật hình sự. Tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự với các chế tài tương xứng, từ đó thể hiện sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật.

Vấn đề xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc trong trường hợp chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... là những hình thức đánh bạc phổ biến từ xưa tới nay. Sự ra đời của nhiều văn bản hướng dẫn BLHS đã phân nào cụ thể hóa các hành vi trên, đưa ra mức định là căn cứ định tội, định khung hình phạt dựa trên số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của người chơi số đề, người cá độ bóng đá, người cá độ đua ngựa... Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cũng như các quy định về xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc trong trường hợp chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... vẫn còn tồn tại khá nhiều bất cập như:

Thứ nhất, theo tinh thần tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 248, 249 BLHS thì: một lần chơi số đề, một lần cá độ bóng đá, một lần cá độ đua ngựa... (để tính là một lần đánh bạc (được hiểu là tham gia chơi trong một lô đề,

tham gia cá độ trong một trận bóng đá, tham gia cá độ trong một kỳ đua ngựa... trong đó người chơi có thể chơi làm nhiều đợt và trách nhiệm hình sự đối với người chơi được xác định trong trường hợp này dựa trên tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để chơi trong các đợt đó.

Với hướng dẫn trên, việc xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc không có gì khó khăn, chỉ việc tính tổng số tiền, giá trị hiện vật mà con bạc sử dụng để đánh bạc trong một lô đề, trong một trận bóng đá, một kỳ đua ngựa... Tuy nhiên, thực tế đang đặt ra những tình huống phức tạp, gây tranh cãi mà chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Ví dụ 1: A cá độ với B về trận bóng đá Việt Nam – Campuchia, với số tiền dùng cá độ là 1 triệu đồng. Cũng trong trận đấu này A cá độ với C, D, E với số tiền cá độ lần lượt là: 2 triệu đồng, 500 nghìn đồng, 800 nghìn đồng. Cơ quan điều tra đã xác minh số tiền cá độ và lập biên bản xử lý. Tuy nhiên, có được hiểu việc cá độ của A với nhiều người riêng lẻ là cá độ nhiều đợt trong một trận đá bóng, để cộng dồn số tiền A cá độ làm căn cứ xử lý hay không?

Theo quan điểm của cá nhân tác giả cho rằng: Đây là trường hợp một người đánh bạc với nhiều người. Do đó, trách nhiệm hình sự được đặt ra đối với A sẽ dựa trên tổng số tiền A dùng để cá độ với B, C, D, E.

Ví dụ 2: Trong cùng một thời điểm, A cá độ năm trận đấu bóng đá, với mỗi trận đấu A dùng số tiền 1,9 triệu đồng để cá độ. B cá độ một trận đấu bóng đá với số tiền dùng cá độ là 2,5 triệu đồng. Như vậy, có thể xem là A cá độ 5 lần, B cá độ 1 lần. Nếu chiếu theo Nghị quyết số 01/2010: Trách nhiệm hình sự đối với người đánh bạc phải căn cứ vào từng lần đánh bạc; không được tính tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của tất cả các lần đánh bạc thì trong trường hợp trên trách nhiệm hình sự chỉ đặt ra đối với B (vì số tiền dùng để cá độ của B là 2,5 triệu đồng, đã đủ định lượng để khởi tố). Điều này cho thấy điểm bất hợp lý trong thực tiễn xử lý người có hành vi đánh bạc. Một người chỉ cá độ một trận duy nhất đã bị xử lý hình sự, còn một người cá độ nhiều trận lại không bị xử lý. Trong trường hợp này, có được cộng dồn số tiền A cá độ 5 trận bóng đá để làm căn cứ xử lý hay không? Vì A cá độ 5 trận diễn ra ở cùng một thời điểm.

Như vậy, hiểu sao là “một lần đánh bạc” là một vấn đề khó, văn bản hướng dẫn cần quy định chi tiết hơn để tránh những cách hiểu khác nhau từ phía các cơ quan tố tụng, đảm bảo sự thống nhất trong xử lý người có hành vi đánh bạc.

Hai là, cách xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc trong trường hợp chơi số đề vẫn đang là một tồn tại lớn mà pháp luật hiện hành chưa khắc phục được. Trước đây, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về tội đánh bạc thì xác định số tiền đánh bạc là số tiền con bạc bỏ ra cho một số đề để nhân với 70 lần. Điểm bất hợp lý trong Nghị quyết này là sử dụng số “tiền ảo” làm căn cứ xử lý người có hành vi đánh bạc. Theo cách tính này, chỉ cần người chơi đề với số tiền vài nghìn đồng cũng có thể bị xử lý hình sự về tội đánh bạc, dẫn tới khởi tố, xử lý hình sự tràn lan, đặc biệt là trong tình hình nạn đánh đề đang diễn ra một cách thường xuyên, phổ biến như hiện nay.

Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ra đời thay thế cho Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP phần nào đã gỡ được những thắc mắc trong Nghị quyết này. Điểm tiến bộ của Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP là không sử dụng “tiền ảo” làm căn cứ xử lý người có hành vi đánh bạc. Mục 5.1 Điều 1 Nghị quyết quy định: *Xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ dùng đánh bạc: “a) Trường hợp người chơi số đề, cá độ có trúng số đề, thắng cược cá độ thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra mua số đề, cá độ cộng với số tiền thực tế mà họ nhận được từ chủ đề, chủ cá độ; b) Trường hợp người chơi số đề cá độ không trúng số đề, không thắng cược cá độ hoặc bị phát hiện, ngăn chặn trước khi có kết quả mở thưởng thì số tiền mà họ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề cá độ.”*[51, Điều 1]

Từ quy định này có thể lấy ví dụ như sau: A và B cùng nhau đi đánh đề với chủ đề là C. A dùng số tiền 100 nghìn đồng đánh số 70, B dùng 100 nghìn đồng đánh số 30, cả hai đều thỏa thuận với chủ đề 1x70. A và B bị bắt sau khi có kết quả xổ số. A trúng đề còn B thì không. Khi đó, xác định số tiền dùng để đánh bạc của A là 7 triệu đồng, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Xác định số tiền dùng để đánh bạc của B là 100 nghìn đồng, B không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, xét về mặt khác quan, cả A và B đều có hành vi tham gia vào các trò chơi được tổ chức bất hợp pháp (đánh số đề) với số tiền bỏ ra như nhau. Xét về mặt chủ quan, cả hai đều thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị luật hình sự cấm nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi đó, cụ thể là: A, B đã bỏ ra 100 nghìn đồng để đánh bạc với mong muốn trúng số đề. Tuy nhiên, nếu chiếu theo luật hướng dẫn từ Nghị quyết 01/2010 thì chỉ có A bị xử lý hình sự. Việc căn cứ vào kết quả xổ số sẽ dẫn tới nhiều vấn đề phức tạp trong thực tiễn và không chính xác về mặt lý luận. Ví dụ trên cho thấy rằng: nếu người chơi trúng đề thì phạm tội và bị xử lý hình sự, nếu không trúng đề thì không phạm tội, chỉ có thể bị xử lý hành chính. Xét về mặt lý luận, tội phạm đã hoàn thành từ khi các con bạc tham gia ghi đề xong, nếu căn cứ vào kết quả xổ số sẽ dẫn tới trường hợp có thể bị can không phạm tội. Phạm tội nặng hay nhẹ lại phụ thuộc vào sự may rủi. Dựa vào kết quả xổ số để xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của người chơi lô đề không phản ánh được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, từ đó làm giảm hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này trên thực tiễn.

Thiết nghĩ, cơ sở để xác định số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc trong trường hợp chơi số đề cần thực tế, khách quan hơn, chứ không phụ thuộc nhiều vào yếu tố may rủi là trúng hay không trúng số đề. Nếu căn cứ vào kết quả xổ số thì phải có một chế tài hình sự hợp lý đối với người chơi số đề nhưng không trúng, để nâng cao tính răn đe và góp phần phòng chống nạn chơi số đề ngày một gia tăng trong xã hội.

Như vậy, có thể thấy rằng, những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như trong quy định của pháp luật về tội đánh bạc chủ yếu xoay quanh vấn đề định tội danh đánh bạc, vấn đề xác định tiền, hiện vật dùng để đánh bạc. Bên cạnh đó, việc tăng mức hình phạt tiền để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo công tác kiểm soát đối với các sòng bạc hợp pháp cũng là những vấn đề được quan tâm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS, hình phạt tiền là hình phạt chính cho tội đánh bạc được quy định từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Cũng theo quy

định tại khoản 3 này, hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho người phạm tội đánh bạc được quy định từ 3 triệu đồng đến 30 triệu đồng. Quy định này hiện nay đã không còn phù hợp, bởi diễn biến hiện tại của nạn đánh bạc đã xuất hiện nhiều hình thức đánh bạc mới với những “con bạc triệu đô”. Nhà làm luật nên cân nhắc để tăng hình phạt tiền lên nhiều lần nữa, như vậy mới đảm bảo được tính răn đe, trừng trị hành vi gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội của pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội đánh bạc trong giai đoạn hiện nay.

c. Đối với việc xác định người thực hiện hành vi đánh bạc phạm tội nhiều lần hay chỉ phạm tội một lần.

Theo hướng dẫn tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP đối với hành vi cá độ bóng đá một lần được xác định là cá độ trong một trận bóng đá. Tuy nhiên, trong thực tế cho thấy bản thân một con bạc trong cùng một trận bóng lại tham gia cá độ với nhiều vai trò khác nhau. Quan hệ phức tạp này có thể mô hình hoá như sau: một con bạc tham gia cá độ với vai trò là chủ, song cũng trong một trận đấu đó, người này lại là con bạc của một chủ cá độ khác với mức tiền khác. Trong trường hợp những người này thực hiện hành vi cá độ với số tiền trên 2 triệu mỗi lần thì phải xác định những người này là một lần phạm tội hay nhiều lần phạm tội?

Ví dụ, trong trận đấu giữa đội tuyển bóng đá Bồ Đào Nha và Pháp tại giải bóng đá vô địch châu Âu năm 2016, được phát trực tiếp vào lúc 03 giờ ngày 11/7/2016, A và B gặp C để đặt cược mỗi người 15 triệu đồng với kết quả cuối cùng là đội Pháp thắng. Sau đó, C đến quán nước của D xem đá bóng và cùng một số người khác “bắt độ” với D cũng trận đấu trên nhưng kết quả đội Bồ Đào Nha thắng chung cuộc. Số tiền mà C “bắt độ” với D là 20 triệu đồng. Như vậy trong trường hợp này C là chủ cá độ của A và B nhưng lại là con bạc của D trong cùng một trận bóng đá. Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP thì: *“Trường hợp đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, cá độ bóng đá, cá độ đua ngựa... thì một lần chơi số đề, một lần cá độ bóng đá, một lần cá độ đua ngựa... (để tính là một lần đánh bạc) được hiểu là tham gia chơi trong một lô đề, tham gia cá độ trong một trận bóng đá, tham gia cá độ trong một kỳ đua ngựa... trong đó người chơi có thể chơi làm nhiều đợt. Trách nhiệm hình sự được xác định đối với người chơi một lần đánh bạc trong các trường hợp này là tổng*

số tiền, giá trị hiện vật dùng để chơi trong các đợt đò”. Nếu căn cứ hướng dẫn tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP thì trong trường hợp này xác định C chỉ tham gia đánh bạc một lần.

Ở ví dụ khác, cũng trong trận bóng đá nói trên, đối tượng E và bạn bè đến quán nhậu của F (là chủ cá độ bóng đá). Tại đây E cùng các bạn của mình mỗi người “ghi độ” với F số tiền 5 triệu đồng, cược Bò Đào Nha thắng. Sau khi nhậu xong, khi chưa đến giờ phát bóng đá, E đến quán cà phê của H (H cũng là chủ cá độ bóng đá) ngồi uống cà phê chờ xem bóng đá. Tại đây, E “ghi độ” với H 7 triệu đồng, Bò Đào Nha thắng. Như vậy trong trường hợp này, mặc dù là cùng một trận đá bóng nhưng E đã cá độ hai lần ở tại hai địa điểm khác nhau. Mỗi lần cá độ số tiền đều trên 2 triệu. Nếu căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01 thì trong trường hợp này xác định E chỉ tham gia đánh bạc một lần. Tuy nhiên, nếu hai vụ việc trên được phát hiện ở hai thời điểm khác nhau (hoặc có thể hai địa bàn khác nhau) thì E bị khởi tố trong hai vụ án khác nhau.

Như vậy, nếu căn cứ vào Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP thì sẽ khó khăn trong việc áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS; hoặc không thể truy cứu trách nhiệm hình sự người đánh bạc với tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 248 BLHS, được hướng dẫn tại các Điểm c, d Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP. Trường hợp đánh bạc từ hai lần trở lên mà tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (từ 2.000.000 đồng trở lên) thì người đánh bạc phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Trường hợp đánh bạc từ năm lần trở lên mà tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (từ 2.000.000 đồng trở lên) và lấy tiền, hiện vật do đánh bạc mà có làm nguồn sống chính thì người đánh bạc phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tình tiết định khung “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự”).

Từ những bất cập nêu trên, tác giả cho rằng, việc xác định “lần” đánh bạc trong cá độ bóng đá như hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 01 là chưa phù hợp. Do đó, cần sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết 01 theo hướng: xác định “lần” đánh bạc trong cá độ bóng đá có thể được thực hiện làm nhiều đợt trong một trận bóng đá nhưng phải đối với cùng một đối tượng; nếu thực hiện hành vi cá độ trong một trận bóng đá làm nhiều đợt với nhiều đối tượng khác nhau thì phải xác định đó là “phạm tội nhiều lần”.

2.2. Quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc

2.2.1. Cơ sở lý luận của quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc

Quyết định hình phạt là việc Toà án lựa chọn hình phạt buộc người bị kết án phải chấp hành. Toà án lựa chọn loại hình phạt nào, mức phạt bao nhiêu, phải tuân theo những quy định của Bộ luật hình sự.

Quyết định hình phạt là: Những yêu cầu, đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Trên cơ sở đó, có thể hiểu rằng quyết định hình phạt đối với các tội về cờ bạc là một hoạt động thực tiễn của Toà án nhân dân. Đây là kết quả của quá trình tố tụng, từ xem xét các yếu tố cấu thành hành vi phạm tội, định tội danh, các yếu tố khung tăng nặng hay giảm nhẹ để đưa ra các phán quyết, quyết định hình phạt hay miễn hình phạt. Trường hợp áp dụng hình phạt thì mức phạt và các yếu tố liên quan các quy định ở Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Trường hợp miễn hình phạt thì quyết định hình phạt kết thúc tại lúc ra phán quyết.

Qua nghiên cứu, có thể thấy quyết định hình phạt đối với các tội về cờ bạc bao gồm một số các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn mang tính pháp lý của Toà án nhân dân sau khi đã trải qua một quá trình tố tụng theo luật định. Hoạt động này có cơ sở pháp lý được Hiến định tại Điều 102 Hiến pháp 2013 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Điều 102 đã quy định rõ Toà án nhân dân là cơ

quan xét xử duy nhất của nước CHXHCNVN. Quy định này cũng có nghĩa Toà án nhân dân là cơ quan duy nhất quyết định kết quả của mọi bản án. Bên cạnh đó, quyết định của toà án cũng là căn cứ duy nhất xác định một công dân phạm tội hay không. Điều này xuất phát từ nguyên tắc “suy đoán vô tội” mà khoa học pháp lý vẫn thường nhắc tới. Nội dung chính của nguyên tắc này có thể tóm gọn rằng: Không ai bị xem là có tội cho đến khi có quyết định định tội của Toà án. Như vậy, để xem xét hành vi của các cá nhân có xâm phạm đến các quan hệ được pháp luật hình sự bảo vệ hay không, nhất thiết phải căn cứ vào quyết định hình phạt của toà án.

Thứ hai, quyết định hình phạt của toà án đối với các tội danh thể hiện quyền lực cưỡng chế của nhà nước, đồng thời cũng thể hiện tinh thần pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua công lý. Hình phạt là các hậu quả bất lợi mà người vi phạm pháp luật phải gánh chịu. Quyết định hình phạt của toà án là cụ thể hoá các quyền cưỡng chế của nhà nước đối với những công dân đi ngược lại lợi ích xã hội, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Quyết định hình phạt của toà án đối với các tội về cờ bạc cũng là một thể hiện cho sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Đồng thời, quyết định hình phạt của toà án còn thể hiện tính chất của xã hội pháp quyền. Ở nhà nước pháp quyền, nguyên tắc các thủ tục tố tụng phải theo một trình tự được định trước là yếu tố then chốt. Điều này đảm bảo rằng ngoài những gì pháp luật đã cho quy định, không có bất kỳ sự tác động nào từ phía bên ngoài hay bản thân những người tiến hành tố tụng có thể làm thay đổi con đường đến công lý. Quyết định hình phạt của toà án là kết quả cuối cùng của con đường đó hay nói đúng hơn quyết định ấy là công lý.

Thứ ba, theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, chỉ có cá nhân mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều này là để phân biệt với pháp nhân. Thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ta chỉ ghi nhận hành vi của cá nhân xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh chứ không xem xét các hành vi của một pháp nhân. Như vậy, quyết định hình phạt của toà án nói chung và quyết định hình phạt của toà án đối với các tội phạm về cờ bạc nói riêng là những quyết định quy định hình phạt cho cá nhân.

Thứ tư, quyết định hình phạt của Toà án nhân dân trước hết là sản phẩm của việc áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng đó không phải là một quá trình máy móc, khô cứng mà là sự áp dụng trên cơ sở xem xét các yếu tố hoàn cảnh, động cơ của từng cá nhân khác nhau đảm bảo công bằng với từng người, thay vì công bằng theo kiểu cào bằng. Điều này thứ nhất thể hiện được giá trị nhân đạo của luật pháp. Pháp luật không chỉ sinh ra để giữ vững trật tự xã hội mà còn có sự mệnh bảo đảm công bằng. Nếu chỉ có trật tự, xã hội ấy là xã hội của nguyên tắc, thậm chí có xu hướng độc tài. Và sự trật tự chưa chắc đã tạo ra sự công bằng. Nhưng nếu pháp luật bảo vệ sự công bằng thì xã hội ấy sẽ sớm đi vào trật tự. Quyết định hình phạt của toàn án đối với các tội về cờ bạc sẽ khác nhau tùy thuộc vào tính chất của hành vi, của những yếu tố nhân thân bị cáo... Thứ hai, giá trị này thể hiện sự tự chủ của quan toà trong việc xét xử. Quan toà không chỉ đơn thuần là người đối chiếu một cách cơ học những quy định của pháp luật vào thực tiễn, bởi nếu đơn thuần có vậy thì không cần đến những quan toà giỏi, mà chỉ cần đến những quan toà thuộc luật mà thôi. Quyết định hình phạt là sự thể hiện của lương tri quan toà trên cơ sở của luật pháp hiện hành về tội danh.

Quyết định hình phạt với các tội về cờ bạc là: Những yêu cầu, đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự hiện hành cùng với các văn bản hướng dẫn khác của Hội đồng Thẩm phán nhân dân tối cao.

Căn cứ để quyết định hình phạt đối với người phạm tội nói chung và các tội phạm về cờ bạc nói riêng được quy định cụ thể tại Điều 45, Bộ luật Hình sự hiện hành bao gồm 4 yếu tố sau: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành; Căn cứ vào nhân thân của người phạm tội; Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm; Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành.

Để thực hiện 3 bước của quá trình giải quyết vụ án hình sự đó là bước định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt, các cơ quan tiến hành tố tụng đều phải căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự để làm sáng tỏ các tình tiết định tội, tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các chế định khác đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Cụ thể, đối với các tội danh về cờ bạc toà án phải căn cứ vào các quy định tại phần chung của Bộ luật Hình sự và các quy định

cụ thể của tội phạm này được quy định tại các Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự hiện hành.

Thứ hai, căn cứ vào nhân thân của tội phạm

Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm nói lên bản chất của một con người có ảnh hưởng nhất định đến quá trình thực hiện tội phạm và khả năng cải tạo giáo dục người phạm tội. Các đặc điểm này chia làm hai nhóm:

- Nhóm nhân thân người phạm tội mang tính chất pháp lý: Các đặc điểm nhân thân này được quy định trong Bộ luật Hình sự là các tình tiết định tội, các tình tiết định khung và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các yếu tố này đã được làm rõ ở Chương 1.

- Nhóm nhân thân người phạm tội không mang tính pháp lý: Là những yếu tố không được pháp luật quy định nhưng có ảnh hưởng tới khả năng cải tạo giáo dục người phạm tội. Đối với nhân thân tội phạm về cờ bạc sẽ xét các yếu tố như: ý thức chính trị, ý thức lao động, trình độ văn hoá, thành phần gia đình, đối tượng chính sách, người dân tộc... Các yếu tố này sẽ được cân nhắc khi quyết định hình phạt các tội về cờ bạc.

Thứ ba, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm: Đối với việc quyết định hình phạt thì căn cứ này có tính chất quyết định nhất, quan trọng nhất. Tuy nhiên pháp luật hình sự không quy định yếu tố hậu quả hay thiệt hại xã hội là căn cứ bắt buộc của việc ra quyết định hình phạt đối với các tội về cờ bạc.

Thứ tư, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nội dung của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự và một số văn bản hướng dẫn khác. Tuy nhiên, khi xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc chỉ kể đến một số nội dung như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội vì bị người khác đi dụ dỗ, cưỡng bức; Phạm tội do lạc hậu; Người phạm tội là phụ nữ có thai; Người phạm tội là người già từ 70 tuổi trở lên; Người phạm tội tự thú khi hành vi chưa bị phát hiện; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan CS trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm; Người phạm tội đã lập công chuộc tội; Người phạm tội đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất,

chiến đấu, học tập hoặc công tác. Ngoài ra Toà án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ đối với các tội phạm về cờ bạc nhưng phải ghi rõ trong bản án.

Đối với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nội dung của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1, Điều 48 và một số văn bản hướng dẫn khác. Tuy nhiên, khi xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc chỉ kể đến một số nội dung như: Phạm tội có tổ chức; Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; Cố ý phạm tội từ 5 lần trở lên về cùng một tội; Người phạm tội lấy việc phạm tội làm nghề sinh sống chính và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; Phạm tội có tính chất côn đồ; Phạm tội nhiều lần; Tái phạm... Các tình tiết đã quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội phạm về cờ bạc tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Thực tiễn quyết định hình phạt tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được thể hiện qua kết quả xét xử các vụ án về tội đánh bạc được thể hiện như sau:

Năm	Phân tích số bị cáo đã bị xét xử											
	Không có tội	Miễn TNHS hoặc miễn HP	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù chung thân	Tử hình	Có kèm theo hình phạt bổ sung
2011				1	2	198	65	22				21
2012				7	4	188	87	18	1			31
2013				19		230	90	18	1			38
2014				63		439	101	21	2			38
2015				55		366	163	20				56
Tổng cộng				145	6	1421	506	99	4			234

Bảng 2.5. Phân tích hình phạt và các biện pháp tha miễn TNHS và áp dụng hình phạt đối với bị cáo phạm tội đánh bạc trong 05 năm (2011 - 2015)

trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

(Nguồn do tác giả tổng hợp)

Từ Bảng 2.5 có thể thấy, trong thời gian 5 năm, hình phạt chủ yếu được áp dụng đối với các bị cáo xét xử về tội đánh bạc là 1.421 bị cáo chiếm 65,1%, hình thức phạt tù dưới 3 năm là 506 bị cáo chiếm 23,2% tổng số hình phạt đối với tội đánh bạc. Ngoài ra, có 234 bị cáo còn bị xử phạt kèm theo hình thức phạt bổ sung.

Tương tự, Bảng 2.6 thể hiện hình phạt và các biện pháp tha miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc từ năm 2011 đến năm 2015 trên địa bàn huyện. Cụ thể như sau:

Năm	Phân tích số bị cáo đã bị xét xử											
	Không có tội	Miễn TNHS hoặc miễn HP	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù chung thân	Tử hình	Có kèm theo hình phạt bổ sung
2011						80	27	11				53
2012				9		83	23	20				28
2013				31		96	43	17				15
2014				30		110	39	18				15
2015				31		139	84	16				26
Tổng cộng				101		508	216	82				137

Bảng 2.6. Phân tích hình phạt và các biện pháp tha miễn TNHS và áp dụng hình phạt đối với bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong 05 năm (2011 - 2015) trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

(Nguồn do tác giả tổng hợp)

Tương tự như tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc phải nhận hình phạt cho hưởng án treo có 508 bị cáo trên tổng số 907 bị cáo chiếm 57%, phạt tù dưới 3 năm có 216 bị cáo, chiếm 23,8%.

Như vậy, qua quá trình xem xét tình hình tổng quan của các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cũng như xem xét hai nội dung quan trọng liên quan đến xét xử các tội phạm về cờ bạc là: định tội danh và quyết

định hình phạt đã mang đến kết luận rằng: Việc hoàn thiện của pháp luật là căn cứ vô cùng quan trọng cho quá trình áp dụng các điều luật thuộc Bộ luật Hình sự hiện hành cũng như các văn bản khác vào thực tế nói chung và với việc áp dụng pháp luật đối với các tội phạm về cờ bạc nói riêng.

Tuy nhiên, không có nền pháp luật nào là hoàn mỹ cộng với sự phát triển, biến đổi không ngừng của xã hội đã khiến cho hoạt động nghiên cứu, hoàn thiện về pháp luật hình sự cũng như là pháp luật hình sự đối với các tội về cờ bạc là một điều phải được thực hiện liên tục. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng như tăng cường quản lý nhà nước về vấn đề phòng, chống tệ nạn cờ bạc cũng là vấn đề cần được quan tâm, xem xét và thực hiện.

Chương 3.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CỜ BẠC

3.1. Quan điểm về hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự hiện hành đối với các tội về cờ bạc và áp dụng các quy định đó trên thực tiễn

3.1.1. Quan điểm đối với việc hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự hiện hành đối với các tội về cờ bạc

Thứ nhất, pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc là căn cứ pháp lý quan trọng đối với hoạt động trấn áp tệ nạn này trên thực tế. Do đó, cần phải thống nhất các quy định theo hướng không sót người sót tội, đảm bảo nghiêm minh nhưng cũng hàm chứa các giá trị nhân đạo. Theo đó, quan điểm của tác giả với nội dung này là phải đảm bảo những quy định của pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc là thống nhất, tránh sự trùng chéo và mâu thuẫn về mặt pháp lý khi thực thi.

Thứ hai, các quy định pháp luật phải chi tiết, rõ ràng, tránh các lỗi suy diễn hai chiều. Đồng thời, các điều khoản phải logic, có nội hàm bao trùm được các ý chí điều chỉnh của nhà nước. Đặc biệt, các quy định pháp luật hình sự về tội phạm cờ bạc phải đảm bảo tính cập nhật so với sự chuyển biến đa dạng của xã hội, đảm bảo lường trước được các phát sinh về tính chất, hành vi hay hình thức biểu hiện của tội phạm, tránh sự lúng túng trong thực thi khi gặp phải những vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn cuộc sống.

Thứ ba, quy định những chế tài về các tội phạm về cờ bạc phải đủ mạnh để đảm bảo sự răn đe và giáo dục. Do đó, quan điểm của tác giả đối với nội dung này là gia tăng các khung hình phạt, kể cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Đặc biệt đối với tội phạm sử dụng công nghệ, thông tin để thực hiện các hành vi phạm tội về cờ bạc ở quy mô lớn và tái phạm nhiều lần.

3.1.2. Quan điểm đối với việc áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với các tội về cờ bạc

Thứ nhất, phải kiên quyết trấn áp các tội phạm về cờ bạc theo quy định của pháp luật. Tuyệt đối không bỏ sót tội phạm hay tiếp tay cho hành vi phạm tội này. Mặc dù có nhiều ý kiến về việc hợp pháp hoá hoạt động cờ bạc, song trước khi cụ

thể hoá ý chí này trong luật pháp ở tương lai, thì cờ bạc vẫn trở thành một tệ nạn xã hội cần phải ngăn chặn theo pháp luật hiện hành. Đồng thời, trong công tác áp dụng pháp luật, cơ quan bảo vệ tư pháp phải liên tục đổi mới cách thức đấu tranh, trấn áp, đảm bảo không lạc hậu hơn so với tội phạm.

Thứ hai, việc áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội về cờ bạc phải đảm bảo thống nhất giữa các vụ án, tội phạm theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó có xét đến các yếu tố nhân thân, khung tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đảm bảo đúng người, đúng tội, đảm bảo tính chất nhân đạo của pháp luật và sự nghiêm minh của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, biện pháp tuyên truyền, giáo dục thuyết phục sẽ luôn thể hiện được hiệu quả trong phòng ngừa tệ nạn cờ bạc. Trong lối tư duy chung này, phải lấy việc ngăn chặn ý muốn về hành vi làm yếu tố ưu tiên hơn là đấu tranh, trấn áp các hành vi về cờ bạc đã diễn ra trên thực tế.

3.2. Hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến các tội về cờ bạc

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành đối với các tội phạm về cờ bạc

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng các tội phạm về cờ bạc đang có xu hướng gia tăng là do những chế tài của pháp luật hình sự đối với các tội phạm này chưa đủ sức răn đe, giáo dục phòng ngừa. Mặt khác việc áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất nên cũng ảnh hưởng đến công tác phòng ngừa, trấn áp tội phạm. Vì vậy việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của BLHS năm 1999 trong đó có các tội phạm liên quan đến đánh bạc nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế trong tình hình mới và có ý nghĩa chính trị, xã hội, pháp lý quan trọng.

Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về các tội cờ bạc có thể tóm gọn bằng các góc độ lý luận sau đây:

Dưới góc độ chính trị - xã hội: Sự hoàn thiện về pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc góp phần cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước đối với việc bảo vệ trật tự, an toàn xã hội. Là cơ sở để kiên quyết xử lý nghiêm minh, đúng

pháp luật tất cả các hành vi đánh bạc trái phép. Đảm bảo tính chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Dưới góc độ lập pháp hình sự: Hoàn thiện về pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc là một đòi hỏi tất yếu khách quan của quy trình lập pháp hình sự. Nó đảm bảo cho chất lượng của pháp luật khi điều chỉnh vấn đề này phù hợp với thực tiễn, là cơ sở vững chắc cho các hoạt động tổ tụng nói chung.

Dưới góc độ lý luận - thực tiễn: Đối với góc độ lý luận, việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với các tội về cờ bạc là yếu tố quan trọng giải quyết các mâu thuẫn hiện thời về mặt lý luận đối với các vấn đề như định tội danh, khung hình phạt... của các tội phạm về cờ bạc. Đối với góc độ thực tiễn, hoàn thiện pháp luật hình sự đối với các tội cờ bạc nói riêng và pháp luật hình sự nói chung có ý nghĩa hết sức quan trọng trong bối cảnh sự tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đã khiến cho tình hình tội phạm gia tăng cả về quy mô lẫn tính chất.

3.2.2. Các nội dung hoàn thiện cụ thể

Thứ nhất, sửa đổi tên gọi một số điều luật.

Hành vi đánh bạc như đã trình bày ở phần lý luận bao gồm hành vi đánh bạc được pháp luật cho phép và hành vi đánh bạc bị pháp luật cấm. Do đó, cần phân biệt rõ ràng điều này khi đặt tên các điều luật. Thực tế thì hành vi đánh bạc bị pháp luật hình sự điều chỉnh là "Hành vi đánh bạc trái phép" và được giải thích tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng thẩm phán TANDTC đồng thời cũng được quy định cụ thể trong một số trường hợp tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013. Do đó cần thống nhất đặt tên các điều luật theo định hướng này. Cụ thể, Điều 248 "Tội đánh bạc" sửa thành "Tội đánh bạc trái phép", Điều 249 "Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" sửa thành "Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép".

Thứ hai: Về sửa đổi, bổ sung cụ thể trong nội dung của điều luật.

Đối với Điều 248: Tội đánh bạc trái phép cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề cụ thể sau:

- Tăng khung hình phạt đối với tội đánh bạc ở hành vi từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về cùng tội hoặc

các tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự hiện hành thì bị phạt tù: mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ một năm đến ba năm.

- Đối với các hành vi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba đến mười năm:

+ Có tính chất chuyên nghiệp;

+ Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên;

+ Tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, so với chế tài được quy định trong Điều 248 Bộ luật Hình sự hiện hành tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng nâng khung hình phạt. Cụ thể như sau: Nâng mức hình phạt chính là hình phạt tiền tại Khoản 1 lên thành từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng; Nâng mức khởi điểm hình phạt tù tại Khoản 1 từ ba tháng lên một năm. Đối với các hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tiền và hiện vật từ 50 triệu đồng trở lên và tái phạm nguy hiểm mức hình phạt được đề xuất từ ba năm đến mười năm.

Đối với Điều 249: Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép

- Tăng khung hình phạt đối với tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép quy mô lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về cùng hành vi hoặc hành vi đánh bạc quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự hiện hành hoặc đã bị kết án về một trong các tội này mà chưa được xoá án tích nhưng còn vi phạm thì bị xử phạt từ ba mươi đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ hai năm đến năm năm.

- Đối với các hành vi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:

+ Có tính chất chuyên nghiệp;

+ Thu lợi bất chính lớn, rất lớn hoặc đặc biệt lớn;

+ Tái phạm nguy hiểm.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến ba trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, đối với chế tài cho các tội được quy định tại Điều 249, tác giả đề

xuất tăng các hình phạt như sau: Nâng mức hình phạt chính là hình phạt tiền tại Khoản 1 lên từ ba mươi triệu đến ba trăm triệu đồng, Nâng mức hình phạt tù tại Khoản 2 lên từ năm năm đến hai mươi năm và hình phạt tiền bổ sung từ năm triệu đồng đến ba trăm triệu đồng. Những mức hình phạt này theo tác giả mới đủ sức răn đe đối với tội phạm cũng như những người có ý định phạm tội.

3.3. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về tội đánh bạc

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện một số quy định cụ thể tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành.

Thứ nhất, cần bổ sung vào Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao căn cứ xác định tiền hoặc hiện vật đánh bạc như sau:

“d) Tiền hoặc hiện vật khác mặc dù không bị thu giữ nhưng có căn cứ đã được hoặc sẽ được dùng vào việc đánh bạc”.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định mục 5.1 và mục 5.2 Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo hướng bỏ quy định việc tính tiền đánh bạc dựa vào thời điểm phát hiện hành vi phạm tội mà chỉ dựa vào thời điểm hành vi phạm tội đã hoàn thành. Cụ thể, các mục tại Khoản 5 sẽ là:

“5.1. Xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của người chơi đề, cá độ dùng đánh bạc. Số tiền mà người chơi số đề, cá độ dùng đánh bạc là tổng số tiền mà họ đã bỏ ra để mua số đề, cá độ.

5.2. Xác định số tiền hoặc giá trị hiện vật của chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc: “ Số tiền chủ đề, chủ cá độ dùng đánh bạc là toàn bộ số tiền thực tế mà chủ đề, chủ cá độ đã nhận của những người chơi số đề, cá độ.”

Và bổ sung vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ - HĐTP các mục như sau:

“5.3. Trường hợp khi hành vi đánh bạc trái phép bị phát hiện mà có kết quả thắng thua thì số tiền thắng thua không tính vào tổng số tiền hoặc hiện vật để

truy cứu trách nhiệm hình sự mà cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.”

Thứ ba, cần sửa đổi, bổ sung các điểm a, b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP theo hướng cộng dồn đối với số tiền các lần đánh bạc trên mức khởi điểm và đối với việc đánh bạc nhiều lần nhưng các lần đều dưới mức khởi điểm.

Khi xác định trách nhiệm hình sự đối với người đánh bạc không được tính tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng để đánh bạc của tất cả các lần đánh bạc, mà phải căn cứ vào từng lần đánh bạc để xem xét; cụ thể như sau:

- Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc đều dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (dưới 2.000.000 đồng) và không thuộc một trong các trường hợp khác để truy cứu trách nhiệm hình sự (đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm) thì người đánh bạc không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Trừ trường hợp các lần đánh bạc được thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian mà tổng số tiền các lần đánh bạc trên 2.000.000 đồng.

- Trường hợp tổng số tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc của lần đánh bạc nào bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (từ 2.000.000 đồng trở lên) thì người đánh bạc phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc đối với lần đánh bạc đó. Trong trường hợp này, số tiền các lần đánh bạc trên mức tối thiểu được cộng lại để xem xét việc định khung hình phạt.

Thứ tư, bổ sung vào Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP quy định về đồng phạm trong tội đánh bạc.

Trong trường hợp không xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc thì những người tham gia vào vụ đánh bạc là đồng phạm đối với tổng số tiền hoặc hiện vật được xác định dùng vào việc đánh bạc. Mặc dù vậy, tùy theo tính chất, mức độ của những người đánh bạc có số tiền mang theo dưới mức định lượng (2.000.000 đồng) thì có thể xem xét áp dụng khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ.

Trường hợp xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc thì những người tham gia vào vụ đánh bạc cũng là đồng phạm của nhau. Tuy nhiên, đối với những người đánh bạc mà số tiền họ tham gia vào vụ đánh bạc dưới mức khởi điểm (2.000.000 đồng) thì áp dụng khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ”.

3.3.2. Về cơ cấu của quy định hướng dẫn Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

Cơ cấu hiện nay tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 còn một số bất hợp lý và đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn. Vì vậy chúng tôi kiến nghị, cơ cấu của Điều 1 Nghị quyết số 01/2010 cần chia ra làm ba phần dựa theo cách phân chia 02 hình thức đánh bạc là “không xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc” và “xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc”. Cụ thể như sau:

Phần chung: Chứa các quy định mang tính bao quát mà các hình thức đánh bạc đều có như: Khái niệm đánh bạc trái phép; Cách xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc; Việc phân chia các hình thức đánh bạc (dựa theo việc có xác định được số tiền, hiện vật mà từng người đánh bạc tham gia hay không), vv...

Phần quy định đối với “hình thức đánh bạc không xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc” bao gồm: khái niệm “hình thức đánh bạc không xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc” và liệt kê một vài hình thức phổ biến tượng trưng; cách xác định số tiền đánh bạc của từng người đánh bạc; khái niệm “ván”, “lần” đánh bạc trong trường hợp này; vấn đề đồng phạm trong hình thức này.

Phần quy định đối với “hình thức đánh bạc xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc” bao gồm: Khái niệm “hình thức đánh bạc xác định được tiền hoặc hiện vật của từng người đánh bạc” và liệt kê một vài hình thức phổ biến tượng trưng; Cách xác định số tiền đánh bạc của từng con bạc; Khái niệm “đợt”, “lần” đánh bạc trong trường hợp này; Vấn đề đồng phạm trong hình thức này...

Với cách hướng dẫn áp dụng Điều 248 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện

hành như trên, Nghị quyết số 01/2010 sẽ dễ dàng áp dụng trong thực tiễn, hạn chế bất cập như hiện nay

3.4. Các giải pháp khác nhằm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc

3.4.1. Giải pháp về kinh tế - xã hội

Tội phạm về cờ bạc nói chung, tội đánh bạc nói riêng là hiện tượng tiêu cực có nguyên nhân từ chính những vấn đề kinh tế xã hội. Do đó để phòng ngừa tội phạm về cờ bạc phải bắt đầu từ những giải pháp kinh tế xã hội.

Đối với vấn đề kinh tế, việc tăng thêm thu nhập như hiện nay là một hiện trạng thiếu bền vững, gắn liền với mùa vụ do đó tâm lý tiêu xài tiền bạc của người dân cũng bị chi phối theo chiều hướng đó. Giải pháp của vấn đề này là phát triển kinh tế bền vững, trong đó lấy lợi thế nông nghiệp làm nền tảng phát triển. Có thể kể đến một số các giải pháp sau:

- Thực hiện hiệu quả các chính sách về xoá đói, giảm nghèo. Tình trạng tội phạm về cờ bạc và đói nghèo là hai hiện tượng có quan hệ với nhau trong một vòng luẩn quẩn và đều là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Xoá đói, giảm nghèo để tạo cơ sở cho phát triển kinh tế bền vững là một bước đi thay đổi cả điều kiện kinh tế lẫn tư duy của người dân. Theo đó, chính quyền cần vận dụng sáng tạo các chính sách về xoá đói giảm nghèo theo hướng “cho cần câu và dạy cách câu” thay vì “cho con cá”. Đối với việc hỗ trợ công cụ lao động, sản xuất cần căn cứ theo đúng tình hình tự nhiên và nhu cầu phát triển sản xuất của người dân, tránh tình trạng quan liêu, làm theo phong trào.

- Phát triển kinh tế hàng hoá, xây dựng thương hiệu vải Lục Ngạn sạch. Vải là cây trồng thế mạnh trong cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện Lục Ngạn. Tuy nhiên, tình trạng được mùa cũng khổ mà mất mùa cũng khổ diễn ra thường xuyên, thu nhập của người dân từ cây trồng này là không tương xứng với tiềm năng của nó. Để giải quyết vấn đề này, chính quyền cần phối hợp với người dân trong việc trồng vải sạch, tìm kiếm các thị trường đầu ra mới, đặc biệt là thị trường quốc tế và tư vấn về mặt pháp lý giúp người dân đăng ký thương hiệu vải sạch. Thực hiện được những giải pháp trên sẽ giúp nguồn lợi kinh tế từ vải sẽ được nâng

cao và ổn định.

- Phát triển dịch vụ và các ngành nghề phi nông nghiệp trên cơ sở lợi thế của nông nghiệp. Lục Ngạn có lợi thế lớn về hệ thống trang trại, vườn rừng và các yếu tố mùa vụ mang bản chất của cây trồng. Trong vài năm trở lại đây, chính điều này đã giúp cho hình thành một xu hướng du lịch mới, khách du lịch chủ yếu từ Hà Nội và các thành phố lân cận. Chính quyền và người dân nên tận dụng xu thế này để quy hoạch hoá, chuyên nghiệp hoá các yếu tố thu hút và khai thác nguồn lợi du lịch. Đồng thời, các ngành nghề khác như tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề liên quan đến sản phẩm vải thiều như: sấy quả, làm hương, làm đồ gỗ mỹ nghệ từ cây vải thiều cũng cần được chú trọng phát triển, tăng thêm việc làm và thu nhập cho người dân.

Đối với vấn đề xã hội, việc thiếu hụt các không gian văn hoá lành mạnh được xác định là một trong những nguyên nhân nảy sinh tệ nạn. Do đó, nhà nước cần phải nghiên cứu cùng người dân phục dựng lại các lễ hội truyền thống, khôi phục các giá trị văn hoá tốt đẹp của đời sống nông thôn. Ngoài ra, cần có những chính sách hỗ trợ về mặt xã hội đối với các đối tượng đặc biệt, tăng cường ý thức của cộng đồng về vấn đề bài trừ tệ nạn xã hội nói chung và các tội về cờ bạc nói riêng.

3.4.2. Giải pháp về quản lý tổ chức

Cần có sự phối hợp giữa công an, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, nhà trường, gia đình trong công tác quản lý con người, như:

- Gia đình và nhà trường phối hợp với đoàn thanh niên thực hiện các biện pháp tuyên truyền, giáo dục đối với thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Nghiên cứu tổ chức nhiều hoạt động bổ ích thu hút ngày càng nhiều thanh thiếu niên tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm ngăn chặn, xóa bỏ các điều kiện nguyên nhân phát sinh tội phạm từ những yếu tố tiêu cực trong việc quản lý con người tại gia đình và trong trường học.

Đối với những đối tượng đã vi phạm cần có sự theo dõi, quản lý chặt chẽ không để cho họ có điều kiện quay lại con đường phạm pháp. Công tác này cần có

sự phối hợp giữa lực lượng công an, gia đình và các tổ chức xã hội thực hiện theo kế hoạch có sự phân công theo dõi, quản lý. không tạo phương tiện để họ có cơ hội phạm tội, giúp họ thấy được lỗi lầm, những hậu quả mà họ đã gây ra và trách nhiệm pháp lý nếu tái phạm, tạo cơ hội cho họ học tập, vui chơi lành mạnh, hòa nhập với cộng đồng. Gia đình cũng đóng vai trò hết sức quan trọng, chính sự thương yêu, chăm sóc, quan tâm, giáo dục kịp thời sẽ làm thay đổi và bộc lộ tính thiện trong mỗi người.

Lực lượng Công an với vai trò nòng cốt trong việc phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm liên quan đến đánh bạc nói riêng, cần đẩy mạnh việc rà soát, lập hồ sơ các đối tượng có nguy cơ phạm tội, ý thức chấp hành pháp luật kém, thường xuyên gây rối trật tự công cộng, không có việc làm... nếu đủ điều kiện thì cần thiết có biện pháp mạnh đưa vào các cơ sở giáo dục nhằm hạn chế các các đối tượng này lôi kéo thanh thiếu niên vi phạm pháp luật. Họ không chỉ phạm tội mà còn kích động, xúi giục những người khác tham gia.

Ngoài ra, việc quản lý của các ngành chức năng đối với hoạt động kinh doanh giải trí ở các quán Karaoke, dịch vụ Internet, nhà hàng, khách sạn... cần phải chặt chẽ vì đây là nơi dễ phát sinh ra các tệ nạn xã hội và phạm pháp hình sự trong đó có các tội phạm liên quan đến đánh bạc. Không để cho các cơ sở này trở thành nơi tụ tập, sinh hoạt của một số đối tượng có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự rủ rờ, lôi kéo của các đối tượng khác tụ tập tham gia các hoạt động phạm pháp hình sự trong đó có việc đánh bạc sát phạt lẫn nhau.

3.4.3. Giải pháp về văn hóa, giáo dục

Đối với vấn đề văn hoá, Nghị quyết hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, Đảng cộng sản Việt Nam nêu yêu cầu các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương...biến thành nguồn nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển. Kỷ cương phép nước không nghiêm được coi là một biểu hiện của văn hóa pháp luật thấp.

Xây dựng và phát triển các yếu tố văn hóa trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp, chính là nguồn nội lực để đảm bảo thực hiện đường lối của Đại hội

Đảng toàn quốc lần thứ X về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Văn hóa trong hoạt động tư pháp là một yếu tố quan trọng đảm bảo tính tối thượng và nghiêm minh của pháp luật, tính hiệu lực và hiệu quả giáo dục của các hoạt động tư pháp. Chính vì vậy nên việc xây dựng nhận thức, quan điểm đúng đắn và đầy đủ về văn hóa tư pháp tạo nền tảng cho việc ứng xử trong đời sống xã hội thành nguyên tắc là cấp bách, cần thiết.

Cần xác định xây dựng đời sống văn hoá theo chủ trương:

“Làm cho văn hóa thấm sâu vào từng vùng dân cư, từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”

Để thực hiện được mục tiêu này, yêu cầu phải tìm ra những hình thức và phương thức, nội dung phù hợp để phát triển toàn diện sự nghiệp văn hóa. Trước hết các cơ quan chức năng phải thường xuyên phát động sâu rộng trong tất cả tầng lớp dân cư phong trào văn hóa như: Phát động nếp sống văn minh, xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, xây dựng hương ước làng xã, xây dựng dòng họ văn hóa... Để từ đó hình thành trong mỗi người ý thức về việc xây dựng môi trường văn hóa cho mình và cộng đồng. Bên cạnh đó cần chú trọng vào chất lượng và chiều sâu của các phong trào đã phát động tránh tình trạng phong trào hình thức, hời hợt, kém hiệu quả. Vì vậy, việc thường xuyên kiểm tra, tổng kết để rút ra những bài học kinh nghiệm, biểu dương các tập thể cá nhân điển hình để tuyên truyền cho nhân dân là việc làm hết sức cần thiết.

Huyện Lục Ngạn mang đặc thù là có người đồng bào dân tộc sinh sống. Chính vì vậy, trong công cuộc xây dựng sự nghiệp văn hóa có những đặc thù riêng biệt. Như vấn đề luật tục của người đồng bào còn khá nặng nề, do đó nhà nước cần vận động đồng bào từ bỏ những tập tục lạc hậu, hướng tới tư duy mới về đời sống văn hoá và tôn trọng pháp luật.

Thiết nghĩ, trong thời gian tới các cơ quan chức năng địa phương cần cho phép thành lập các trung tâm văn hóa phù hợp với nhu cầu của các đối tượng cụ

thể. Để từ đó tập trung và hướng các thành phần dân cư sinh hoạt văn hóa lành mạnh. Bên cạnh đó, việc xây dựng môi trường văn hóa, giáo dục nhân cách còn được tiến hành qua các hoạt động cụ thể khác như: Thông qua các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng, internet, các tác phẩm văn học nghệ thuật, các mô hình, điển hình về người tốt, việc tốt...

Đối với lĩnh vực giáo dục, đổi mới, hoàn thiện giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao các giá trị văn hóa, xã hội, đào tạo nguồn nhân lực tạo tiền đề để phát triển kinh tế, văn hóa- xã hội của đất nước, góp phần phục vụ vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và việc áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý tội phạm về đánh bạc nói riêng. Cụ thể:

- Cần phải không ngừng nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân, hạn chế tới mức thấp nhất số người bỏ học ở bậc tiểu học và trung học cơ sở.

Chúng ta phải tiếp tục thực hiện tốt sự nghiệp giáo dục chính quy ở các bậc, phổ cập giáo dục tiểu học và khuyến khích động viên học sinh tới trường. Đối với những học sinh bỏ học cần có cơ chế và hình thức khuyến khích học tập phù hợp. Thời gian tới cần mở rộng các hình thức giáo dục, bên cạnh hình thức giáo dục tập trung cần đẩy mạnh các hình thức không tập trung khác. Tiếp tục thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục, khuyến khích những nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, đầu tư xây dựng trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, mở rộng phạm vi đối tượng giáo dục với phương châm đem lại cơ hội học tập, nâng cao trình độ cho mọi người dân.

- Thực hiện tốt những chính sách ưu đãi cho người nghèo có điều kiện tham gia học tập bằng các chương trình trợ cấp và hỗ trợ về học phí, vay vốn đối với sinh viên nghèo. Bên cạnh đó, cần có giải pháp tăng ngân sách đầu tư cho giáo dục, đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Thời gian tới cần tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lương và trợ cấp đối với giáo viên vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa.

- Giải quyết tốt các tiêu cực trong giáo dục, cải tiến chương trình đào tạo. Nhà trường và gia đình cần có sự phối kết hợp trong việc quản lý con cái. Khi học sinh, sinh viên có biểu hiện cờ bạc thì phải có biện pháp kịp thời để giáo dục các

em. Công tác giáo dục pháp luật cho mọi tầng lớp dân cư, nhằm trang bị cho họ kiến thức về pháp luật, xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật cần được chú trọng hơn nữa. Thông qua những hiểu biết về pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật mỗi công dân mới có thể tự điều chỉnh hành vi của mình theo hướng phù hợp với đòi hỏi của xã hội, đồng thời tham gia tích cực vào phong trào phòng chống tội phạm.

3.4.4. Giải pháp về nâng cao hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Hệ thống các cơ quan tư pháp có vai trò hết sức quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung trong đó có tội phạm đánh bạc. Mặt khác các cơ quan này còn là lực lượng trực tiếp đấu tranh chống các loại tội phạm. Với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong điều kiện và tình hình mới đòi hỏi các cơ quan bảo vệ pháp luật cần có những biện pháp để nâng lực con người, phương tiện kỹ thuật và hiệu quả thực hiện hoạt động chức năng, nhiệm vụ.

- Đối với lực lượng công an: Là lực lượng nòng cốt trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn cả nước. Trong thời gian tới lực lượng Công an cần tiếp tục làm tốt các yêu cầu về nghiệp vụ công tác điều tra cơ bản, công tác sưu tra trên cơ sở đó xác lập và phân loại đối tượng, ổ nhóm đánh bạc để có biện pháp xử lý phù hợp. Công tác quản lý các đối tượng có biểu hiện nghi vấn tham gia cờ bạc cũng cần phải được chú trọng. Đồng thời lực lượng Công an chủ động trong công tác đấu tranh trấn áp tội phạm đánh bạc.

Lực lượng Công an cần làm tốt hơn nữa nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy địa phương chỉ đạo tiếp tục nâng cao phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự sâu rộng đến mỗi hộ gia đình để làm tốt công tác phòng ngừa. Phối hợp với đoàn thể, tổ chức làm tốt công tác vận động hội viên mình và tuyên truyền vận động người thân không tham gia hoạt động đánh bạc, phát hiện và tố giác những ổ nhóm, đối tượng cờ bạc với cơ quan Công an. Lực lượng Công an cần làm tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, thông tin đại chúng để nhân dân nhận thức rõ tác hại của hành vi cờ bạc, hạn chế tới mức thấp nhất số người tham gia đánh bạc.

Thời gian tới cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng lực lượng, bồi dưỡng chuyên sâu cho lực lượng đấu tranh phòng ngừa tội phạm về cờ bạc.

Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến những những phương thức thủ đoạn phạm tội của các đối tượng cờ bạc nhằm trang bị kiến thức cho lực lượng Công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác. Đồng thời đẩy mạnh việc áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật công nghệ cao phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đánh bạc có hiệu quả.

Công tác điều tra phá án, lực lượng Công an cần nhanh chóng xử lý các thông tin về các đối tượng đánh bạc, xác minh thu thập chứng cứ về tội phạm trên cơ sở đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo đúng trình tự tố tụng hình sự. Phân loại và xử lý hành chính đối với các đối tượng đánh bạc khi chưa đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó cũng cần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ và chiến sỹ công an.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân: Viện kiểm sát nhân dân cần thực hiện hiệu quả quyền công tố của mình. Đồng thời, với chức năng giám sát các hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân phải thực hiện giám sát sự tuân theo pháp luật của cơ quan điều tra, những người tiến hành và tham gia tố tụng và các thủ tục tố tụng được quy định bởi pháp luật. Những hoạt động này phải được đảm bảo để hạn chế các hành vi phạm quá trình tố tụng, dẫn đến các án oan, án sai làm tổn hại đến lợi ích của công dân và xã hội.

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát nhân dân cũng cần tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực thực thi nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, giữ vững được ý chí, lập trường chính trị, đạo đức, tác phong của người thực hiện nhiệm vụ pháp luật. Tích cực lắng nghe các ý kiến phản hồi từ phía người dân, sửa chữa những khuyết điểm đang có và hoàn thiện tổ chức bộ máy theo nhu cầu của công việc.

- Đối với Tòa án nhân dân: Trong thời gian tới Tòa án nhân dân các cấp cần đẩy mạnh công tác xét xử giải quyết các vụ án và các bị cáo phạm tội đánh bạc một cách nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh làm oan sai người vô tội, tránh bỏ lọt tội phạm. Ngành Tòa án nhân dân cần có những việc làm thiết thực để nâng cao trình độ năng lực của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên từ đó nâng cao chất lượng xét xử các vụ án về đánh bạc. Ngành Tòa án nhân dân cần quan tâm hơn nữa tới công tác đào tạo nguồn thẩm phán, quy hoạch cán bộ, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động xét xử.

Tòa án nhân dân các cấp cần thực hiện xét xử các phiên tòa lưu động về tội đánh bạc nhiều hơn nữa, qua đó tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân, hạn chế các hành vi đánh bạc trái phép.

Mặt khác việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho công chức ngành Tòa án phải được chú trọng và quan tâm hơn nữa.

Song song với những việc làm trên, Nhà nước cần có chính sách đãi ngộ với những người làm công tác thực thi pháp luật một cách thiết thực để đội ngũ này yên tâm cống hiến trí tuệ cho để bảo vệ pháp luật.

KẾT LUẬN

Các tội phạm về cờ bạc vẫn đang trở thành một vấn đề nhức nhối trong việc phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp tội phạm về trật tự xã hội. Sự tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường cùng các yếu tố khách quan và chủ quan khác đã khiến cho các tội phạm về cờ bạc phát triển và có những tính chất phức tạp. Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật hình sự phải có những điều chỉnh phù hợp với sự diễn biến ấy, tạo cơ sở cho hoạt động áp dụng pháp luật vào thực tiễn được diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các tội phạm về cờ bạc từ thực tiễn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã cho thấy, có những điểm chưa thống nhất trong pháp luật hình sự khi quy định các tội phạm về cờ bạc với những biểu hiện mới, phát sinh trong thực tiễn phạm tội. Điều này đã gây ra những khó khăn nhất định cho quá trình tố tụng bởi thiếu vắng cơ sở pháp lý, các hành vi mới không được ghi nhận bởi pháp luật. Bên cạnh đó, các chế tài được quy định trong pháp luật hình sự hiện hành chưa đáp ứng được tính răn đe đối với người phạm tội hay có ý định phạm tội. Chính những điều này đã khiến cho các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn nói riêng và cả nước nói chung luôn trong xu hướng tăng về số lượng và phức tạp về hành vi.

Từ những kết quả nghiên cứu có được, đã chỉ ra được những cơ sở để tiến hành một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về cờ bạc trên địa bàn huyện Lục Ngạn nói riêng và cả nước nói chung. Nhằm hướng tới mục tiêu giảm thiểu các tội phạm về cờ bạc, đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội trật tự, bền vững theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước ra đã đề ra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2010), *Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện*, Hà Nội;
2. Bộ Tư pháp (1957), *Thông tư số 301/VHH-HS ngày 14/01/1957 về vấn đề bài trừ nạn cờ bạc*, Hà Nội;
3. Bộ Tư pháp (1957), *Thông tư số 2098/VHH-HS ngày 31/5/1957 bổ sung Thông tư 301/VHH-HS ngày 14/01/1957 về việc bài trừ nạn cờ bạc*, Hà Nội;
4. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
5. Đỗ Văn Chính (2006), *Một số suy nghĩ khi thực hiện các Điều 248, 249 Bộ luật hình sự*, Tòa án nhân dân;
6. Đỗ Văn Chính (2008), "Một số suy nghĩ về tội đánh bạc bằng hình thức chơi lô đề", *Tòa án nhân dân*, (7), kỳ I, tr. 20-21;
7. Chính phủ (1948), *Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/04/1948 của Chủ tịch Nước về ấn định cách trừng trị tội đánh bạc*;
8. Chính phủ (1995), *Nghị định số 87/CP ngày 12/12/1995 về tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng*, Hà Nội;
9. Chính phủ (1995), *Nghị định số 88/CP ngày 14/12/1995 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội*, Hà Nội;
10. Chính phủ (2003), *Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002*, Hà Nội;
11. Chính phủ (2005), *Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội*, Hà Nội;
12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ*

- nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy, chống bạo lực gia đình, Hà Nội;*
13. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và hình phạt;*
 14. Lê Đăng Doanh (2005), *Trần Thanh Lâm và Hà Thị Ngọc Sơn phạm tội đánh bạc, Tòa án nhân dân;*
 15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội;*
 16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội;*
 17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;*
 18. Bùi Minh Giang (2013), *Tội đánh bạc theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội;*
 19. Đỗ Đức Hồng Hà, (2014), *Hỏi - Đáp pháp luật lỗi lụng lĩnh sự Việt Nam hiện hành, NXB Tư pháp;*
 20. Đỗ Đức Hồng Hà, (2014), *Hỏi - Đáp pháp luật hình sự Việt Nam, NXB Tư pháp;*
 21. Hà Mạnh Hà (2015), *Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội;*
 22. Hội đồng Nhà nước (1989), *Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính, Hà Nội;*
 23. Lê Văn Hưng (2005), *Về những vướng mắc khi áp dụng Điều 248, 249 Bộ luật hình sự, Tòa án nhân dân;*
 24. Đỗ Thanh Huyền (2007), *Bàn về phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, Tòa án nhân dân;*
 25. Nguyễn Đình Lộc (2000), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 và nhiệm vụ thể chế hóa về mặt nhà nước chính sách hình sự của Đảng trong thời kỳ đổi mới, Tài liệu Hội nghị Tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội;*

26. Vũ Thành Long (2006), "*Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chuyên nghiệp*", Tòa án nhân dân;
27. Nguyễn Đức Mai (2014), *Tìm hiểu các tội xâm phạm an toàn công cộng trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
28. Cao Thị Oanh (2003), "*Vấn đề hoàn thiện những quy định về các tội cờ bạc trong Bộ luật hình sự năm 1999*", Tòa án nhân dân;
29. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận chuyên sâu Bộ luật hình sự, tập VI: Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh;
30. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
31. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
32. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội;
33. Quốc hội (2009), *Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 về việc thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
34. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội;
35. Lê Văn Sua (2007), *Những vướng mắc khi xét xử hành vi ghi số đề trong tội đánh bạc theo Điều 248 Bộ luật hình sự*, Tòa án nhân dân;
36. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội;
37. Phùng Trung Tập (2007), *Vật nào được coi là tài sản?*, Tòa án nhân dân;
38. Nguyễn Trung Thành, (2002), *Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng, chống* (Luận án tiến sĩ luật học);
39. Bùi Quang Thạch (2000), *Bàn về số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được bổ sung ở khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999*, Kiểm sát;
40. Trịnh Công Thương, (2015), *Các tội phạm liên quan đến đánh bạc theo luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)*, (Luận văn thạc sĩ);
41. Trần Quang Tiệp (2013), *Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
42. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Thống kê tình hình xét xử ngành Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh các năm 2009 - 2013*,

Thành phố Hồ Chí Minh;

43. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2009-2014), *Báo cáo tổng kết Ngành Tòa án nhân dân từ năm 2009 đến năm 2014*, Thành phố Hồ Chí Minh;
44. Tòa án nhân dân tối cao (1968), *Bản tổng kết số 9/NCPL ngày 08/01/1968 về hoạt động đường lối xử lý tội cờ bạc*, Hà Nội;
45. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1, Hà Nội;
46. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
47. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
48. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Công văn số 105/2003/KHXX ngày 18/8/2003 về việc áp dụng Điều 248 Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
49. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
50. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Công văn số 105/TANDTC-KHXX ngày 17/7/2009 về việc thi hành khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 của Quốc hội*, Hà Nội;
51. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
52. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
53. Hoàng Tuấn Trọng - Nguyễn Thị Thúy Hương (2006), *Vấn đề xác định tiền, giá trị hiện tại đánh bạc trong trường hợp chơi số đề*, Tòa án nhân dân;
54. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*,

- Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
55. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
 56. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội;
 57. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
 58. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp Hà Nội.
 59. Võ Khánh Vinh, “*Lý luận chung về định tội danh*” (2013), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
 60. Võ Khánh Vinh, “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*” (2014), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
 61. <http://lucngan.gov.vn/node/626>.